LỜI NÓI ĐẦU

Kể từ khi chúng ta sinh ra, lớn lên, đi học rồi đi làm chúng ta phải đi trên rất nhiều con đường: Con đường đưa ta đến trường,con đường đưa ta đến nơi làm việc và trở về nhà sau một ngày làm việc vất vả, con đường đưa ta về quê mẹ, con đường đưa ta đến mọi miền của tổ quốc thân yêu...Có thể nói rằng, con đường có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống sinh hoạt của mỗi chúng ta. Ở Việt Nam, đã từ rất lâu việc đặt tên đường được đặt theo tên các sự kiện cách mạng; tên các danh nhân lịch sử, văn hóa của dân tộc hay tên các lãnh tụ cách mạng, anh hùng, liệt sĩ cách mạng... nhằm giáo dục truyền thống lịch sử - văn hoá dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc của mọi người dân đặc biệt là thế hệ trẻ.

Không được sinh ra và lớn lên ở Biên Hòa, Đồng Nai nhưng tôi lại có cơ duyên sinh sống và làm việc tại đây. Gần hai mươi năm sống ở thành phố này, tôi may mắn được ở nhiều nơi và đi qua rất nhiều con đường như: Nguyễn Ái Quốc, Võ Thị Sáu, Phạm Văn Thuận, Dương Tử Giang, Phan Trung, Nguyễn Văn Trị, Huỳnh Văn Lũy... Chúng tôi - thế hệ 8X sinh ra khi chiến tranh đã lùi xa và ký ức về một thời khói bom ác liệt ấy chỉ có thể tưởng tượng qua sách báo, phim ảnh hay chuyện kể của thế hệ đi trước. Độc lập tự do hôm nay đã phải đánh đổi bằng máu và nước mắt của biết bao thế hệ người Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì sự sống, vì quyền độc lập, tự do và hạnh phúc của mình. Chính vì thế, mỗi lần đi trên những con đường mang tên các lãnh tụ cách mạng, anh hùng, liệt sĩ cách mạng luôn gợi lại cho tôi niềm tự hào và biết ơn sâu sắc. Trong số những con đường nơi tôi sống và hàng ngày tôi đi qua, tôi chọn viết về con đường mang tên Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy - Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa và Thủ Biên vì năm 2016 là năm kỷ niệm tròn 100 năm ngày sinh (1916-2016) và 60 năm ngày mất (1956-2016) của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy - Người con ưu tú của quê hương " rừng thẳm sông dài" vùng đất Cù lao Mỹ Quới, xã Bạch Đằng,Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Hy vọng với vốn kiến thức mà tôi có được từ quá trình đi thực tế viết bài sẽ có cái nhìn toàn diện hơn, sâu sắc hơn, hệ thống hơn về thân thế và sự nghiệp của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy như một món quà của riêng tôi gửi đến gia đình nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh và 60 năm ngày mất của ông.

Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy (1916-1956)
Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa và Thủ Biên

I. Cuộc đời và sự nghiệp của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

1. Vài nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy (Bí danh là Dũng Tiến) sinh ngày 01 tháng 5 năm 1916 tại xã Mỹ Quới, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình, một quê hương có truyền thống cách mạng bên hữu ngạn sông Đồng Nai - cái nôi của những tài năng như: Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Hoàng văn Bổn, Nguyễn Văn Nghĩa, Bình Nguyên Lộc...Từ nhỏ đã phải chứng kiến sự áp bức, bóc lột, bất công của bọn thực dân phong kiến nên đã sớm hun đúc trong tâm hồn của nhà yêu nước ý chí, nghị lực đấu tranh và sớm giác ngộ ý tưởng cách mạng.

Cha của Huỳnh Văn Lũy là Huỳnh Hữu Giao (1884-1951) từng giữ chức hương cả của làng. Trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gia đình ông là nơi nuôi giấu, che chở cán bộ. Tiếp nối truyền thống gia đình (cha Huỳnh Hữu Giao là Huỳnh Hữu Phụng từng tham gia nghĩa quân của Bình Tây đại nguyên soái Trương Định) ông cùng vợ của mình là Bà Võ Thị Ngô đã nuôi dạy hai con Huỳnh Văn Ngôn và Huỳnh Văn Lũy khôn lớn và sớm giác ngộ, tham gia cách mạng.

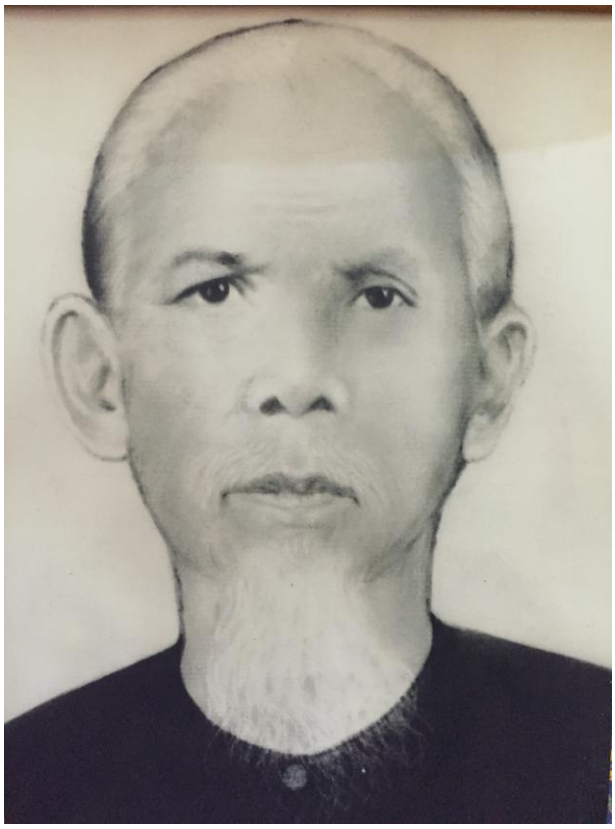

Ông Huỳnh Hữu Giao - Thân phụ LS Huỳnh Văn Lũy

Mẹ của Huỳnh Văn Lũy là Võ Thị Ngô (1886-1967) như bao bà mẹ khác mẹ cần cù tảo tần nuôi hai người con trai của mẹ khôn lớn. Mẹ luôn dạy hai con của mình: Dù cuộc sống có khó khăn nhưng cũng phải một lòng, một dạ với cách mạng, với Đảng, Nhà nước. Từ những lời dạy của mẹ cộng với nỗi đau khi

phải chứng kiến cảnh nước mất nhà tan, cả hai người con trai của mẹ đều tham gia cách mạng khi còn là những cậu thanh niên mười tám, đôi mươi và đều anh dũng hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ. Năm 1995, mẹ đã vinh dự được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu cao quý " Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Mẹ VNAH Võ Thị Ngô - Thân mẫu của LS Huỳnh Văn Lũy

Huỳnh Văn Lũy là con thứ ba trong gia đình (người anh trai thứ hai bị bệnh mất khi còn nhỏ) nên còn gọi là Tư Lũy. Năm 1935 khi mới 19 tuổi Huỳnh Văn Lũy tham gia cách mạng, hoạt động trong Mặt trận dân chủ Đông Dương với bí danh Dũng Tiến.

Nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Huỳnh Văn Lũy có thể khái quát thành 02 giai đoạn sau:

Giai đoạn từ năm 1935 - 1945:

Đầu năm 1936 để phát triển phong trào cách mạng trong tầng lớp thanh niên, học sinh dưới sự lãnh đạo của đồng chí Hoàng Minh Châu và Quách Sanh

một số thanh niên, học sinh ưu tú giác ngộ cách mạng đã được kết nạp vào Đảng. Ngày 17 tháng 2 năm 1936 Huỳnh Văn Lũy đã vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Đây là dấu mốc đặc biệt đáng ghi nhớ trong cuộc đời và sự nghiệp của Huỳnh Văn Lũy với việc đứng vào hàng ngũ của Đảng, Huỳnh Văn Lũy có cơ hội tiếp cận chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Mác - Lê Nin và góp phần tuyên truyền rộng rãi chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Mác -Lê Nin đến quần chúng nhân dân miền Đông Nam Bộ. Ông cũng là người có công lớn trong việc hình thành các Chi bộ đầu tiên ở miền Đông như Chi bộ Tân Triều, Bình Ý, Mỹ Quới, Sở cao su Dầu Tiếng, Phú Riềng…

Tháng 9 năm 1936, dưới sự lãnh đạo của Đảng phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa nổ ra liên tục, mạnh mẽ nhất là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, điểm tập trung sôi động là nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa và các đồn điền cao su ở Xuân Lộc. Trước tình hình đó, Ủy ban trù bị Đông Dương Đại hội đã cử 02 đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa về Biên Hòa để chỉ đạo phong trào, vận động cách mạng. Sau khi về tỉnh, Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa cùng các đồng chí Huỳnh Văn Lũy, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại… và một số đồng chí khác trong chi bộ Bình Phước - Tân Triều (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Biên Hòa) đã họp bàn tổ chức thực hiện quyết định của Trung ương và thống nhất thành lập Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa. Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Chủ tịch. Ủy ban hành động các quận: Châu Thành, Xuân Lộc, Long Thành cũng được hình thành, tập hợp hàng ngàn quần chúng đủ các giới, các ngành tham gia. Đồng chí Huỳnh Văn Lũy phụ trách khu vực Long Thành, đã cùng với các đồng chí trong Ủy ban hành động tổ chức nhiều cuộc mít tinh, đưa dân nguyện đòi giảm sưu thuế, đòi các quyền tự do, dân chủ.

Giai đoạn từ 1936-1939 cùng với Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa, Huỳnh Văn Lũy trực tiếp tham gia các phong trào đấu tranh và thực hiện tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, tập hợp lực lượng, phát động quần chúng đấu tranh. Phong trào cách mạng của nhân dân Biên Hòa trong những năm 1936-1939 diễn ra sôi động, rộng khắp và giành được những thắng lợi to lớn, khơi dậy được tinh thần cách mạng, lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân, mở rộng tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, đường lối cách mạng của Đảng, xây dựng được một đội quân chính trị lớn mạnh trong công nhân, nông dân, trí thức - học sinh.

Ngày 01 tháng 9 năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, thực dân Pháp cấu kết với phát xít Đức, Nhật thẳng tay đàn áp các nước thuộc địa trong đó có Việt Nam. Đồng thời ban bố lệnh tổng động viên, tăng cường vơ vét sức người, sức của tại các nước thuộc địa để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, cán bộ chuyển từ hoạt động hợp pháp, bán hợp pháp vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác, xây dựng cơ sở ở nông thôn và thay đổi các hình thức, phương pháp công tác ở vùng đô thị cho thích hợp với tình hình mới. Cuối năm

1939, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng, bắt nhiều cán bộ của Đảng giam ở các nhà tù trong và ngoài tỉnh. Ở Biên Hòa, thực dân Pháp và và bọn tay sai tập trung lực lượng đánh phá khốc liệt các xã Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước - được chúng coi là những " làng đỏ" nhằm tiêu diệt, xóa bỏ tận gốc rễ cán bộ, đảng viên cộng sản và những người yêu nước. Để đảm bảo an toàn cho các cán bộ chủ chốt của tỉnh, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam kỳ, Tỉnh ủy Biên Hòa đã quyết định đưa các tổ chức, cán bộ hoạt động công khai vào hoạt động bí mật. Các đồng chí Huỳnh Văn Lũy, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Lê Văn Tôn, Huỳnh Văn Phan, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Minh Triết...được chuyển về rừng Tân Uyên xây dựng căn cứ, tiếp tục hoạt động cách mạng.

Tháng 7 năm 1940, Xứ ủy Nam kỳ triệu tập Hội nghị mở rộng tại xã Tân Lương, tỉnh Mỹ Tho. Hội nghị thông qua chủ trương kế hoạch khởi nghĩa và thành lập Ban quân sự các cấp. Hội nghị bầu ra Xứ ủy mới do đồng chí Tạ Uyên làm bí thư, cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra Bắc dự Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (tháng 11 năm 1940) và xin chỉ thị của Trung ương về chủ trương khởi nghĩa. Tháng 9 năm 1940, Xứ ủy tiếp tục mở Hội nghị tại xã Tân Xuân, Hốc Môn, Gia Định để giải quyết một số vấn đề trọng yếu, trao cho Thường vụ Xứ ủy quyền ban bố lệnh khởi nghĩa, quyết định mẫu cờ là nền đỏ, ở giữa ngôi sao vàng 5 cánh. Ngày 23 tháng 11 năm 1940, lệnh khởi nghĩa được phát đi các nơi, quyết định thời gian khởi nghĩa đồng loạt trong toàn Xứ là đêm 22 tháng 11 năm 1940. Đồng chí Phan Đăng Lưu sau khi dự Hội nghị lần thứ 7 mang chỉ thị của Trung ương hoãn cuộc khởi nghĩa vừa về đến Sài Gòn thì lệnh khởi nghĩa của Thường vụ Xứ ủy đã xuống tận cơ sở không thể hoãn được nữa. Ở Biên Hòa, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương, sôi nổi nhất là ở một số xã thuộc quận Tân Uyên và Châu Thành. Đội võ trang tập trung của tỉnh được tổ chức khoảng 35 người do đồng chí Huỳnh Văn Liểng chỉ huy. Các đồng chí trong Tỉnh ủy và một số đảng viên khác len lỏi vào các quận, các xã chỉ đạo các chi bộ, các cơ sở cốt cán chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng phát động quần chúng nổi dậy. Nhưng do kế hoạch khởi nghĩa bị lộ nên cuộc khởi nghĩa không thành. Thực dân Pháp thẳng tay chém giết, bắt bớ, tra tấn dã man không kể là đảng viên hay quần chúng, nhiều đồng chí trong Tỉnh ủy hy sinh và bị giặc bắt đày. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, Huỳnh Văn Lũy cũng bị thực dân Pháp bắt đi lưu đày biệt xứ ở quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chúng quy định hàng tuần, ông phải đến trình diện nhà chức trách quận và không được đi ra khỏi địa bàn. Dưới sự quản thúc gắt gao của địch, thời gian này Huỳnh Văn Lũy lui về hoạt động bí mật, ông phải xin làm thuê ở một quán phở thuộc quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh chờ cơ hội liên lạc với tổ chức.

Cuối năm 1942, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II có nhiều chuyển biến thuận lợi cho quân Đồng minh. Quân đội Xô Viết giành nhiều thắng lợi và đang tiến hành phản công trên khắp các mặt trận. Ở Đông Dương phát xít Nhật ngày càng lấn Pháp, nắm quyền kiểm soát hầu hết các đầu mối quân sự kinh tế quan trọng. Những chuyển biến ấy đã có tác động thuận lợi đến tình hình cách mạng

Việt Nam nói chung, Biên Hòa nói riêng. Ở Biên Hòa một số cán bộ, đảng viên lẩn trốn ở các nơi khác lần lượt trở về địa phương tiếp tục hoạt động. Thời gian này, Huỳnh Văn Lũy cũng được thả từ Tây Ninh về Biên Hòa, mặc dù bị theo dõi gắt gao nhưng Huỳnh Văn Lũy vẫn tìm mọi cách để liên lạc với tổ chức, với cách mạng. Sau khi liên lạc được với tổ chức, Huỳnh Văn Lũy đã cùng với các đồng chí ở cơ sở tuyên truyền thắng lợi của quân đồng minh nhất là của Liên Xô đồng thời vạch trần tội ác của quân phát xít đặc biệt là phát xít Nhật, vận động quần chúng chống lại việc bắt xâu, nộp thuế, vơ vét tài sản của giặc, từ đó khơi dậy ý thức độc lập dân tộc, tinh thần cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Năm 1943, Ban cán sự Miền Đông cử đồng chí Trịnh Văn Dục (Ba Dục) về quận Long Thành (Biên Hòa) hoạt động. Tại đây, đồng chí Trịnh Văn Dục đã tổ chức quân bộ Việt Minh đầu tiên của tỉnh ở quận Long Thành, xây dựng được mạng lưới cơ sở Việt Minh trong các đồn điền cao su, lập được Chi bộ Đảng ở cơ sở Bình Sơn do đồng chí Vũ Hồng Phô (tức Vũ Khánh) làm Bí thư. Đến giữa năm 1943, Huỳnh Văn Lũy cùng với các đồng chí Phạm Văn Búng, Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoai, Lê Thái, Hồ Văn Giàu, Nguyễn Văn Ký, Hồ Hòa, Hồ Văn Đại, Phạm Văn Thuận… móc nối liên lạc với nhau, bước đầu hình thành các nhóm, các tổ chức Việt Minh ở một số địa phương thuộc Tân Uyên, Châu Thành, Long Thành và ngay cả trung tâm tỉnh lị Biên Hòa (xã Bình Trước).

Năm 1944, phong trào cách mạng cả nước nói chung và ở Biên Hòa nói riêng từng bước phục hồi và phát triển, khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân được khơi dậy ngày càng mạnh mẽ. Thực lực cách mạng lớn mạnh nhanh chóng, tạo được cơ sở vững chắc để nhân dân Biên Hòa cùng với cả nước nhất tề đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Trước tình hình thế giới và tình hình trong nước có nhiều thuận lợi dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Biên Hòa đã cùng với nhân dân cả nước vùng đứng dậy lật đổ chế độ thực dân phong kiến giành độc lập tự do. Cách mạng tháng 8-1945 là một sự kiện lịch sử vĩ đại mở ra một bước ngoặt cho cách mạng Việt Nam. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam thành một nước độc lập, nhân dân ta từ một cuộc sống nô lệ trở thành người dân tự do. Với nhân dân Biên Hòa, không khí độc lập, tự do cuốn hút mọi người dân từ nông thôn, thị xã, đồn điền vào việc xây dựng cuộc sống mới.

Tuy nhiên, sau đó Thực dân Pháp quay lại tái chiếm Nam Bộ. Nhân dân Biên Hòa cùng với nhân dân miền Nam bước vào cuộc trường kỳ kháng chiến chống Pháp. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, Thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, Gia Định, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Tối ngày 23 tháng 9 năm 1945, tại nhà hội Bình Trước, Quận Châu Thành, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ ủy Nam kỳ đã triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa (còn gọi là Hội nghị Bình Trước). Hội nghị đã bầu ra Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh. Hội nghị cũng thống nhất thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh do Đồng chí Hồ Hòa làm Chủ nhiệm, đồng chí Huỳnh Văn Lũy, Phó Chủ nhiệm

kiêm phụ trách tổ chức Hội Nông dân cứu quốc, xây dựng Ủy ban Mặt trận Việt Minh các cấp để tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, huy động sức người sức của cho kháng chiến. Sau hội nghị, đồng chí Hồ Hòa chuyển về hoạt động tại Bà Rịa và hy sinh vào đầu năm 1946, nên trong thực tế Huỳnh Văn Lũy là người trực tiếp xây dựng và lãnh đạo Mặt trận Việt Minh tỉnh Biên Hòa.

Thực hiện chủ trương tổ chức trường huấn luyện quân sự để xây dựng lực lượng vũ trang kháng chiến. Trường huấn luyện quân sự (còn gọi là Trại du kích Vĩnh Cửu) ra đời tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp thuộc quận Châu Thành. Ngày 26 tháng 9 năm 1945 khóa học đầu tiên của trường được khai giảng và nơi đây trở thành cái nôi đào tạo cán bộ là lực lượng nòng cốt cho lực lượng vũ trang sau này. Tháng 10 năm 1945 để bảo toàn lực lượng Trại du kích chuyển về Tân Uyên. Ngày 11 tháng 11 năm 1945 trước sự truy lùng ráo riết của giặc, Trung ương Đảng ra tuyên bố " Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán" với mục đích rút tạm thời vào bí mật để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đây là một sách lược của Đảng ta. Tuy nhiên, do nhận thức hạn chế và không nắm được tinh thần nội dung của chỉ thị nên Tỉnh ủy Biên Hòa đã giải tán thực sự. Đồng chí Bí thư Tỉnh Ủy sau khi nhận Chỉ thị đã rời chiến trường Biên Hòa, một số đồng chí khác trong Tỉnh Ủy thì di chuyển ra miền Trung và xuống các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Huỳnh Văn Lũy và một số đồng chí như: Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Phạm Văn Khoai, Nguyễn Văn Nghĩa, Hoàng Minh Châu…kiên định bám trụ tại Biên Hòa, xây dựng củng cố Mặt trận Việt Minh, vận động nhân dân tiếp tục tham gia kháng chiến.

Tháng 4 năm 1946, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh do đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Bí thư Khu ủy Khu 7 triệu tập đã diễn ra tại Cù Lao Vịt (xã Bình Hoà, quận Châu Thành, nay thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Hội nghị đã phân tích những khuyết điểm, sai lầm của Tỉnh ủy Biên Hòa trong nhận thức và thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng là nguyên nhân dẫn đến sự lãnh đạo thiếu thống nhất của Đảng với phong trào kháng chiến ở Biên Hòa. Huỳnh Văn Lũy tham dự Hội nghị này và được chỉ định là Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh (Đồng chí Trần Minh Trí được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa).

Tháng 7 năm 1947, Tỉnh ủy Biên Hòa đã triệu tập hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh lần thứ II tại Mỹ Lộc (Tân Uyên) nhằm kiểm điểm phong trào kháng chiến ở địa phương, bàn việc chỉ đạo kháng chiến toàn dân, toàn diện ở giai đoạn tiếp theo. Tại hội nghị này, đồng chí Nguyễn Văn Ký được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, Huỳnh Văn Lũy được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy đồng thời là Chủ nhiệm Mặt trận kháng chiến đầu tiên của tỉnh Biên Hòa.

Đầu năm 1948, Hội nghị Đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh Biên Hòa được tổ chức tại Cây Cầy (Chiến khu Đ). Hội nghị đã tiến hành bầu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban Chấp hành Tỉnh ủy gồm các đồng chí đứng đầu các ban ngành, lực lượng vũ trang, đoàn thể của tỉnh. Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Phạm Văn Thuận - Bí thư Tỉnh ủy kiêm Trưởng ty Công an tỉnh; Huỳnh

Văn Lũy - Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh; Huỳnh Văn Nghệ - Chi đội trưởng Chi đội 10 kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.

Từ năm 1948 đến tháng 5 năm 1951 với cương vị là Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh, Huỳnh Văn Lũy đã tập trung chỉ đạo thực hiện chủ trương sản xuất tự túc, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất ở vùng căn cứ Chiến khu Đ để chủ động cung cấp lương thực thực phẩm cho bộ đội; chỉ đạo Ty Giáo dục Biên Hòa mở trường tiểu học ở chiến khu để thuận tiện cho việc học hành của con cái cán bộ, chiến sĩ; tiếp tục cùng Đảng bộ tỉnh Biên Hòa xây dựng và củng cố các lực lượng vũ trang, phát triển chiến tranh toàn dân khắp các xã trong tỉnh, mở nhiều trận đánh lớn làm phá sản âm mưu của địch.

Tháng 5 năm 1951,Trung ương Cục quyết định tổ chức, bố trí lại chiến trường. Toàn Nam bộ được tổ chức thành hai phân liên khu: Phân liên khu miền Đông và phân liên khu miền Tây. Quyết định sáp nhập hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Biên. Huỳnh Văn Lũy được bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thủ Biên cùng với các đồng chí Nguyễn Quang Việt, Phạm Văn Thuận, Huỳnh Văn Nghệ, Vũ Duy Hanh, Phan Ấn, Lê Thái, Võ Văn Đợi, Nguyễn Văn Tư, Lưu Hồng Thoại, Trịnh Trọng Tráng, Phạm Hồng Hải, Hồ Văn Đại, Trịnh Minh Kính…

Tháng 10 năm 1952, trận lụt lịch sử năm Nhâm Thìn đã khiến các tỉnh miền Đông Nam bộ gánh chịu những hậu quả nặng nề trong đó tỉnh Thủ Biên là tỉnh bị thiệt hại nặng nhất. Sau trận lụt, đời sống nhân dân và các cán bộ, chiến sĩ hết sức khó khăn; người dân nhiều nơi trong tỉnh nhất là vùng Chiến khu Đ bị thiếu đói, dịch bệnh. Trước tình hình trên, Huỳnh Văn Lũy đã chỉ đạo tổ chức cho nông dân bám đất, khắc phục hậu quả, phục hồi canh tác, đẩy mạnh tăng gia, phát triển sản xuất nhằm đảm bảo cho các gia đình nông dân đủ ăn và có thể đóng thuế nuôi quân. Bên cạnh đó, đồng chí còn động viên hội thanh niên cứu quốc, đưa hội viên tòng quân phục vụ các trận đánh chia lửa, hưởng ứng các chiến dịch trên chiến trường Việt Bắc.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Geneve được ký kết. Thực hiện hiệp định, Tỉnh ủy Thủ Biên chủ trương vừa tổ chức chuyển quân tập kết, vừa thu xếp lực lượng cán bộ trung kiên ở lại bám dân hoạt động. Đồng chí Huỳnh Văn Lũy nằm trong đội hình ở lại, tiếp tục bám dân để xây dựng, củng cố phong trào cách mạng. Tháng 10 năm 1954 Xứ ủy Nam bộ được thành lập. Cũng thời gian này, Liên Tỉnh ủy miền Đông ra đời. Cuối năm 1954, Xứ ủy Nam bộ và Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định lập lại 2 tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một cho phù hợp tình hình mới. Đồng chí Huỳnh Văn Lũy được giao nhiệm vụ Phó bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa (Đ/c Phạm Văn Thuận là Bí thư Tỉnh ủy). Đầu năm 1956, Tỉnh ủy Biên Hòa được kiện toàn, đồng chí Hoàng Tam Kỳ được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Huỳnh Văn Lũy tiếp tục làm Phó bí thư Tỉnh ủy cùng đồng chí Ngô Bá Cao.

Sau Hiệp định Geneve, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ra sức khủng bố càn quét, thực hiện nhiều âm mưu thâm độc để đàn áp, dập tắt

phong trào cách mạng. Nhiều cơ sở Đảng bị phá vỡ, tình hình rất khó khăn, nhiệm vụ của những cán bộ kháng chiến ở lại càng nặng nề.

Ngày 22 tháng 7 năm 1956, trên đường đi họp Huỳnh Văn Lũy đã bị giặc phục kích và hy sinh ngay tại quê hương Cù lao Mỹ Quới, xã Bạch Đằng, huyện Tân Uyên khi mới tròn 40 tuổi.

Với những đóng góp to lớn của ông trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước năm 1983 Ông đã vinh dự được Hội đồng nhà nước truy tặng danh hiệu Huân chương kháng chiến hạng nhất và năm 1997 được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Huân chương độc lập hạng nhì.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG

HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

HẠNG Nhất

Liệt sĩ: Huỳnh Văn Lũy

Đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP

HẠNG Nhì

Truy tặng ông HUỲNH VĂN LŨY

Xã Bạch Đằng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Đã có công lao đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc

Trần Đức Lương

Để ghi nhớ công lao của người chiến sĩ cách mạng kiên trung trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tên của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy đã được đặt cho một xưởng in, một trường Đảng ở căn cứ kháng chiến. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tên ông được đặt cho một con đường tại thành phố Biên Hòa, Đồng Nai và một con đường tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, còn có một trường THCS mang tên ông tại quê nhà xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Về gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

Huỳnh Văn Lũy lấy vợ tên là Nguyễn Thị Du (tên gọi khác là Nguyễn Thị Hớn) (1917-2011) và có 05 người con:

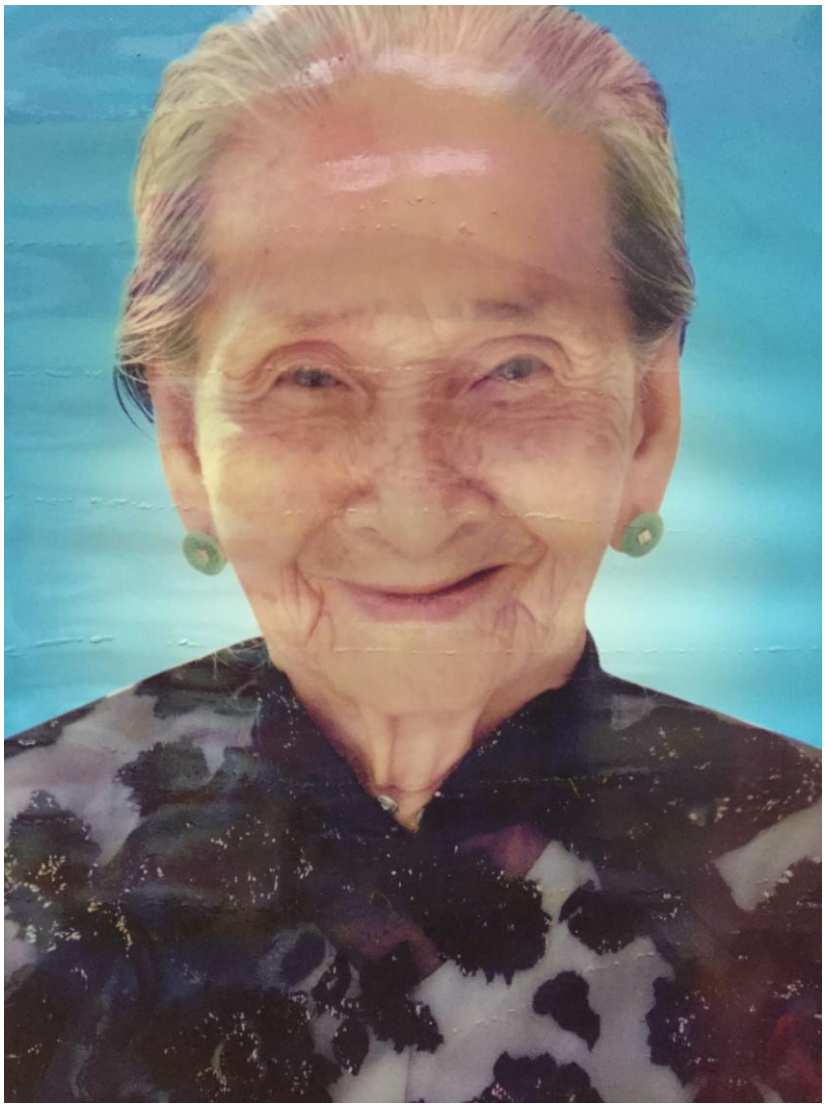

Bà Nguyễn Thị Du - Vợ LS Huỳnh Văn Lũy

Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Người con đầu là Ông Huỳnh Ngọc Ẩn - Sinh năm 1937, Kỹ sư Thủy lợi, nguyên là Phó Giám đốc Sở Thủy lợi tỉnh Đồng Nai. Hiện đang sinh sống với gia đình tại Khu phố 2, Phường Tân Mai, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người con thứ hai là Bà Huỳnh Thị Lài - Sinh năm 1942, làm nghề nông và buôn bán nhỏ. Hiện đang sinh sống với gia đình tại Cù lao Mỹ Quới, xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người con thứ ba là Ông Huỳnh Quang Hài- Sinh năm 1946, tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hòa bình lập lại về quê làm nông và sinh sống với gia đình tại Cù lao Mỹ Quới, xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người con thứ tư là Bà Huỳnh Thị Nhi - Sinh năm 1952, làm nghề nông. Hiện đang sinh sống với gia đình tại Cù lao Mỹ Quới, xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người con út là Ông Huỳnh Văn Nhị - Sinh năm 1955, Bác sỹ, Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Hiện đang sống với gia đình tại Bình Dương.

Ngoài ra, gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy còn nhận thêm người con nuôi tên là Huỳnh Văn Công. Trong ba người con tham gia cách mạng là Huỳnh Ngọc Ẩn, Huỳnh Quang Hài, Huỳnh Văn Công thì Huỳnh Văn Công đã không may mắn trở về. Anh mãi mãi yên nghỉ trong lòng đất mẹ trong trận tấn công vào Chi khu quân sự quận Tân Uyên năm 1964 khi tuổi đời còn rất trẻ.

II.Con đường mang tên Huỳnh Văn Lũy

Nằm ngay trung tâm thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai, từ Quảng trường Sông Phố đi dọc theo đường Cách mạng tháng tám chừng 700 m, đối diện Trường Tiểu học Quang Vinh có một con đường mang tên Huỳnh Văn Lũy.

Không ai nhớ chính xác con đường được đặt tên là Huỳnh Văn Lũy từ khi nào chỉ biết được đặt theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đợt đầu tiên. Bút ký " Con phố mang tên anh" của Cố nhà văn Hoàng Văn Bổn có đoạn ghi: " Đến năm 1952, tôi vào bộ đội, xuống miền Tây, Đồng Tháp Mười tham gia chiến đấu rồi xuống tàu tập kết ra Bắc, đến năm 1980 mới được trở về tỉnh nhà, lại được cho ở một gian hộ ở con phố mang tên anh (Huỳnh Văn Lũy)" theo như ghi chép trong đoạn ký này thì con đường Huỳnh Văn Lũy đã được đặt trước khi nhà văn Hoàng Văn Bổn đến sống tức là từ trước năm 1980. Trãi qua bao thăng trầm của lịch sử, con đường đất đỏ ngày xưa giờ đã được thay bằng con đường láng nhựa khang trang sạch đẹp, tên địa phương cũng có nhiều thay đổi nhưng tên con đường vẫn tồn tại cùng tháng năm như một minh chứng: Dù Huỳnh Văn Lũy đã hy sinh nhưng trong tâm tưởng của người dân miền Đông Nam Bộ nói chung và người dân Biên Hòa nói riêng ông vẫn còn sống mãi. Con đường hiện tọa lạc tại phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trước đây con đường này chỉ dài khoảng 700 m, từ năm 2015 con đường được mở rộng kéo dài đến đường Nguyễn Ái Quốc (đối diện với Siêu thị Metro Biên Hòa). Dài chưa đầy 1,5km nhưng dọc hai bên đường là nơi sinh sống của rất nhiều hộ dân và cũng là nơi tọa lạc của Sân banh Biên Hòa (nay là Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Biên Hòa). Ngay đầu con đường là Nhà hàng Hải Vân - nhà hàng tiệc cưới nổi tiếng một thời của thành phố Biên Hòa. Trước đây, người dân sinh sống ở đây gồm toàn những người lao động, buôn bán nhỏ (vì gần chợ Biên Hòa) sau đó có nhiều công nhân khu công nghiệp Biên Hòa I và II về đây sinh sống nên con phố trở nên nhộn nhịp, rộn ràng hơn xưa.

Vào một buổi chiều cuối thu, tôi thả bộ dọc con đường rợp bóng cây xanh (chủ yếu là bằng lăng), con đường mang tên người anh hùng miền Đông Nam bộ - Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Tôi cố tình bước thật chậm để hít thở không khí trong mát của buổi cuối ngày kèm mùi thơm dịu mát hương hoa sữa nhà ai đang thoang thoảng. Con đường ngắn và thẳng tắp dẫn tôi đến con đường giáp nối mang tên Nguyễn Văn Trị - Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, thế hệ đàn em của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy; bên kia là dòng sông Đồng Nai thơ mộng, sát bên là Trường Tiểu học Nguyễn Khắc Hiếu và ngôi đình Tân Lân uy nghiêm, bề thế với kiểu dáng kiến trúc đặc sắc từ lâu đã là niềm tự hào của người dân Biên Hòa, Đồng Nai. Song song với con đường này là con đường mang tên Hoàng Minh Châu - Người đồng đội từng tham gia chiến đấu một thời của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Không biết đây là một sự sắp đặt ngẫu nhiên hay chủ ý nhưng dù thế nào đi nữa nó cũng làm cho ta cảm thấy toại nguyện. Các anh cùng tham gia chiến đấu qua hai cuộc kháng chiến, cùng vào sinh ra tử và đến khi chết lại được " nằm" cạnh nhau như một định mệnh...

Mùa này nước sông Đồng Nai trong vắt, từng đợt gió sông thổi vào mát lạnh.Tôi đứng nhìn ngắm con đường và nhìn ngắm dòng sông đang lửng lờ trôi...Đã bao nhiêu lần đi trên con đường này nhưng hôm nay bỗng nhiên lòng tôi lại dâng trào một cảm xúc thật khó tả. Thành phố nơi tôi sống nhỏ như lòng bàn tay và đi đường nhiều khi quen thuộc như một thói quen mà chẳng cần phải

nhớ tên đường cũng không sợ bị lạc. Chính vì thế mà cái tên đường Huỳnh Văn Lũy chắc sẽ xa lạ với nhiều người đặc biệt là thế hệ trẻ của chúng tôi. Một ý nghĩ chợt nảy sinh trong tâm trí tôi: Tôi nhất định phải đến quê hương Cù lao Mỹ Quới - nơi sinh ra, lớn lên và cũng là nơi Huỳnh Văn Lũy đã anh dũng hy sinh để tìm hiểu về tiểu sử của người anh hùng mang tên con đường mà rất nhiều lần tôi đã đi qua.

Hình tác giả chụp ở đường Huỳnh Văn Lũy, Tp Biên Hòa

III. Tìm về nguồn cội

Sáng hôm sau, từ đường Huỳnh Văn Lũy vòng sát chân Cầu Mới qua hầm cầu vượt thẳng đường Huỳnh Văn Nghệ tôi quyết định về quê hương cù lao Mỹ Quới (nay là Cù lao Bạch Đằng). Từ thành phố Biên Hòa về Cù lao Bạch Đằng chừng 18km nhưng đường vòng nhiều chỗ nên mãi tôi mới đến được bến phà Bạch Đằng. Ở bến phà này, cứ khoảng 5 đến 15 phút lại có một chuyến phà xuất bến chở người, hàng hóa, phương tiện giao thông sang bên kia sông. Trong lúc đợi phà đến, tôi có dịp hỏi chuyện một người dân làm nghề buôn bán lâu năm ở bến phà Bạch Đằng về gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Ông nói: Ở Cù lao này

ai cũng biết gia đình ông Tư Lũy - một gia đình có nhiều đóng góp, hy sinh cho cách mạng, một gia đình có đến sáu liệt sĩ và ba bà mẹ Việt Nam anh hùng…Nói đến đây tôi thấy cổ họng ông nghẹn lại, đôi mắt già nua nhăn nheo của ông lóng lánh, nước mắt như trực trào ra. Im lặng một hồi lâu như để cảm xúc lắng đọng lại, ông lại nói tiếp: Ngay tại bến đò này, dòng sông này hơn 60 năm về trước Ông Tư Lũy đã bị bọn mật thám phục kích và bắn chết, rồi ông lão bật khóc…Vừa lúc đó, chiếc phà cập bến. Tôi chào ông, lên phà để qua bên kia sông. Chỉ cách một con sông nhưng bên này là địa phận huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai còn bên kia sông là địa phận huyện Tân Uyên tỉnh Bình Dương. Có lẽ vì là "láng giềng" thân thiết, hơn nữa hai tỉnh Đồng Nai và Bình Dương cũng nhiều lần tách, nhập nên tên liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy không chỉ được lấy để đặt tên cho một con đường ở Đồng Nai mà còn được lấy để đặt tên cho một con đường và một ngôi trường ở tỉnh Bình Dương.

Trên vùng đất mà hai cuộc chiến tranh mang tính hủy diệt vừa đi qua, màu xanh đang dần trở lại. Cù lao Bạch Đằng hiện lên trước mắt tôi trong xanh và yên bình quá. Cù lao hôm nay như được khoác lên trên mình chiếc áo mới: Những ngôi nhà tranh lụp xụp ngày xưa đã được thay bằng những ngôi nhà ngói, nhà bằng và rất nhiều nhà tầng đã mọc lên bên những vườn bưởi xanh tốt; những con đường đất đỏ ngoằn ngoèo hiểm trở đã được thay bằng những con đường tráng nhựa bằng phẳng; bến đò ngày xưa giờ đã được thay bằng cầu và phà, giao thông đi lại thuận tiện hơn…Duy chỉ có một điều không thay đổi đó là người dân Cù lao vẫn hiền hòa, thân thiện và dễ mến. Là một vùng đất thuộc cửa ngõ của Chiến khu Đ, nơi đây đã sản sinh ra những anh hùng của đất miền Đông, phía trên một chút (cũng thuộc địa phận huyện Tân Uyên) là quê hương của Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ, sát bên là Cù lao Thạnh Hội quê hương của Đại tá Trần Công An. Nơi đây cũng đã sản sinh ra những tài năng của nền văn học Việt Nam nói chung và của vùng đất miền Đông Nam bộ nói riêng những tên tuổi như: Hoàng Văn Bổn, Lý Văn Sâm, Bình Nguyên Lộc. Nhìn thấy sự thay đổi từng ngày của Cù lao hôm nay tôi thật sự rất vui mừng. Bất giác tôi lại nhớ đến chuyện kể của nhà văn Hoàng Văn Bổn về trường hợp hy sinh của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy:

"Tối hôm đó, ông già tôi có bảo: "Tụi bây coi nhà. Tao lên xóm trên, có việc. Tôi lo lắng hỏi dò: "Việc gì? Chừng nào cha về, để con chờ?". Ông già thì thầm vào tai tôi: "mấy ông lão đồng chí xã mình than thở từ ngày các đồng chí lãnh đạo đi tập kết hết, có nhiều chuyện buồn, chẳng biết hỏi ai? Chẳng có ai để tâm sự… Vậy đó, hôm nay có mời anh Tư cấp tỉnh về tâm sự với các ông ấy một đêm… Nhớ, buồn quá". Sau đó, tôi biết thêm đêm ấy, các ông già lão đồng chí có tổ chức thịt cầy đãi anh Tư. Nhưng anh Tư không ăn thịt cầy, chỉ chuyện trò, kể tình hình đấu tranh khắp nơi, kể cả âm mưu thâm độc của Diệm chống Hiệp định Geneve, chống Tổng tuyển cử hiệp thương thống nhất nước nhà theo quy định của hiệp định…

Sáng sớm hôm đó, ông Tư băng ruộng trở lại ấp Điều Hòa là nhà ông, có cơ sở hầm bí mật. Khi ông Tư băng ngang cánh ruộng trống, bỗng có lính tuần đòi

xét giấy. Biết nguy hiểm, ông Tư lách người định móc giấy trong túi, nhưng ông vùng chạy. Mấy ngày ấy, tôi thấy người ông Tư xanh xao, gầy gò quá. Có lẽ ông đang bệnh gì đó. Thấy ông vùng chạy giữa cánh đồng, chúng bắn theo. Ông bị thương ở bả vai. Một thằng trên cây cao đặt súng máy bắn xuống. Ông Tư ngã xuống bờ ruộng. Chúng tràn đến. Ông Tư bảo: "Tao là Út thôi, Việt Cộng cấp lãnh đạo vẫn còn đây, tụi bây cứ bắn tao đi để lãnh thưởng. Rồi ông tắt thở…"

Cái chết của Huỳnh Văn Lũy không chỉ là nỗi đau thương mất mát của gia đình mà còn là tổn thất nặng nề trong giai đoạn cách mạng, kháng chiến miền Nam đang rất gay go, ác liệt. Từ cái chết của cha, mà Ông Huỳnh Ngọc Ẩn - con trai đầu của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy đã quyết định nhập ngũ khi đang là học sinh miền Nam trên đất Bắc vừa để trả thù cho cha vừa để viết tiếp những ước mơ còn dang dở mà cha chưa thực hiện được…Hồi ký của Huỳnh Ngọc Ẩn khi biết tin cha hy sinh có đoạn ghi: " Tôi mặc cho nước mắt chảy dài trên má, lòng quặn đau về sự hy sinh của Cha- Tôi đã mất Cha. Trong đầu tôi như có một cuộn phim dài nhiều tập luôn hiện ra trước mắt về những cảnh tượng được gần Ba, được Ba quan tâm, săn sóc, dạy dỗ. Nhưng từ nay, Tôi đã bị mất hết! Không bao giờ được gặp lại người Cha thân yêu nữa. Thế là tôi cứ khóc thút thít, không quan tâm đến cái nhìn tò mò của những người đi trên đường phố Hà Nội…Cứ sau mỗi buổi sáng lên lớp học, trưa về ăn cơm xong, Tôi lại lên lớp đóng cửa lại, ngồi một mình nghĩ về Cha - về sự thương yêu, chăm sóc, dạy dỗ của Cha…Nhưng từ đây và mãi mãi về sau Tôi sẽ không bao giờ được hưởng niềm hạnh phúc đó nữa…Cứ thế hai hàng nước mắt rơi, rơi mãi… và Tôi đã viết thư cho Bác Năm Kính (Trần Trọng Kính - nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Biên Hòa, bạn thân của Ba tôi). Nhận được thư tôi, Bác Năm Kính viết thư an ủi. Trong thư Bác Năm Kính có viết mấy câu thơ của nhà thơ Tố Hữu:

" Đời cách mạng từ khi tôi đã hiểu
Dấn thân vô là phải chịu tù đày
Là gươm kề cận cổ, súng kề tai
Là thân sống chỉ coi còn một nửa"

Dòng cảm xúc của tôi bị cắt ngang khi chiếc phà cập bến. Qua bến phà Bạch Đằng, theo chỉ dẫn của Bác lái phà tôi quẹo phải đi dọc con đường sát bờ sông chừng 1km là đến nhà của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Ngôi nhà ngói năm gian theo kiến trúc xưa hiện lên trước mắt tôi, phía trước là khoảng sân rộng - nơi tụ họp anh em, họ hàng, bạn bè…mỗi dịp lễ, tết hay giỗ chạp. Từ khoảng sân nhìn ra mảnh vườn rợp bóng xanh mát của ngâu, bưởi, dừa…và từ đây có thể nhìn xuống dòng sông Đồng Nai hiền hòa. Trước khi qua đời, dù tuổi cao sức yếu nhưng Bà Nguyễn Thị Du - vợ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy vẫn sống ở đây để hương khói cho chồng. Từ khi Bà qua đời, người con gái thứ tư của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy là Bà Huỳnh Thị Nhi về đây sinh sống vừa để trông nom, dọn dẹp nhà cửa vừa để lo hương khói cho cha mẹ. Sau khi được sự đồng ý của chủ nhà, tôi vào trong để thắp nén nhang cho ông. Bên trong căn nhà vẫn còn giữ nguyên lối kiến trúc cũ, đồ đạc được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ. Theo Ông Huỳnh Văn Nhị - con

trai út của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy thì đã nhiều lần gia đình có ý định xây nhà mới trên nền căn nhà cũ nhưng lại quyết định không xây nữa vẫn giữ nguyên ngôi nhà nơi cha mình đã sinh ra, lớn lên, cũng là nơi từng che dấu cán bộ hoạt động cách mạng để các thế hệ con cháu sau này có kỷ vật lưu giữ. Chính vì thế nên gia đình chỉ sửa sang lại căn nhà và xây thêm một căn kế bên để có nơi cho con cháu tụ tập. Qua bao nhiêu năm tháng bom đạn chiến tranh nhưng ngôi nhà vẫn đứng vững vàng bên vườn cây xanh tốt và dòng sông Đồng Nai hiền hòa, thơ mộng; bao nhiêu lần sửa sang dù không còn giữ nguyên hình hài cũ nhưng ngôi nhà vẫn trang nghiêm, cổ kính. Vừa bước vào bên trong một cảm giác ấm cúng, bình yên cứ lan tỏa trong tâm trí tôi. Bàn thờ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy được đặt trang trọng ở gian giữa của ngôi nhà, phía trên là ba tấm hình được treo ngay ngắn, hình đầu tiên bên phải là ông Huỳnh Hữu Giao - cha của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy, tấm hình trong cùng bên trái là bà Võ Thị Ngô - mẹ của Liệt sĩ và tấm hình ở giữa là Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Đây có lẽ là tấm hình duy nhất còn để lại của Liệt sĩ nên ngoài được treo để thờ ở quê hương còn được treo để thờ ở nhà ông Huỳnh Ngọc Ẩn - con trai đầu của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy và trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Đồng Nai (Phòng Trưng bày hiện vật giai đoạn 1945-1954). Bên dưới là hình của Bà Nguyễn Thị Du - vợ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy; cạnh bên là bức tượng được tạc bằng đồng của Liệt sĩ.

Ông Huỳnh Dũng Tiến - Cháu nội của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy đang thắp nhang trước bàn thờ của gia đình tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

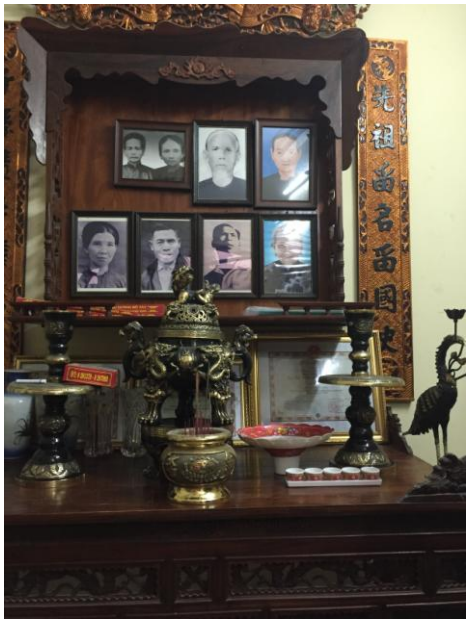

Hình của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy tại nhà riêng của Ông Huỳnh Ngọc Ẩn - con trai đầu của Liệt sĩ

Hình của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy tại Bảo tàng tỉnh Đồng Nai

Lần về thăm quê hương của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy tôi đã may mắn gặp được Ông Huỳnh Ngọc Ẩn - con trai đầu của Liệt sĩ. Sau khi thắp nén nhang trên bàn thờ tổ tiên, ông đã xúc động tâm sự với tôi: Dù tuổi đã cao nhưng hàng

tuần ông vẫn tranh thủ vượt quãng đường hơn 20 km để về thăm quê. Ở vùng đất giàu truyền thống cách mạng như Bạch Đằng hầu hết các gia đình đều có người hy sinh xương máu cho công cuộc giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Riêng gia đình ông có 06 liệt sĩ gồm: Liệt sĩ Huỳnh Văn Ngôn (Sinh năm 1912) - anh trai liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy mà ông gọi là Bác Hai; Nguyễn Văn Thành Nho (Sinh năm 1938) và Nguyễn Thanh Sơn (Sinh năm 1940) là em trai của Bà Nguyễn Thị Du - mẹ ruột ông; Huỳnh Văn Công là em trai đã được cha mẹ ông nhận nuôi từ nhỏ; Huỳnh Văn Khải - con rể của Liệt sĩ Huỳnh Văn Ngôn mà ông gọi là anh rể và cha ông - Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Trong nỗi đau thương, mất mát tưởng chừng không có gì bù đắp nổi ấy, giờ đây gia đình ông vô cùng tự hào khi nghĩ đến một Đất nước hòa bình, độc lập; con, cháu được sống trong ấm no, tự do, hạnh phúc…

Với mong muốn được thắp một nén nhang bên mộ phần Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy, tôi đã được Ông Ấn trực tiếp dẫn đường đến khu mộ của gia đình cách nhà khoảng nửa cây số. Trước đây khu mộ này là vườn bưởi của gia đình. Sau khi ông bà nội qua đời, một phần khu vườn được dùng để xây mộ phần làm nơi yên nghỉ cuối cùng của ông bà nội, cha mẹ, anh chị em họ hàng…Cổng vào khu mộ được lợp bằng ngói đỏ, viền trắng trên có dòng chữ " Huỳnh gia thổ mộ".

Cổng vào khu mộ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

Con đường dẫn vào khu mộ đã được gia đình ông lát gạch, hai bên là hai hàng bưởi xanh mướt. Vừa vào đến cổng mùi hương bưởi thơm ngào ngạt mang

lại cho tôi cảm giác khá dễ chịu. Ông Ẩn bảo khi còn sống vào mỗi mùa hoa bưởi cha ông vẫn thường hái để ướp trà uống. Vì vậy, vào mỗi mùa hoa bưởi gia đình thường có thói quen hái chùm hoa to nhất, đẹp nhất trang trọng để lên bàn thờ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy hy vọng ở nơi xa kia ông sẽ cảm nhận được mùi thơm của loài hoa mà ông yêu thích.

Hoa bưởi- Loài hoa yêu thích nhất của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy khi còn sống

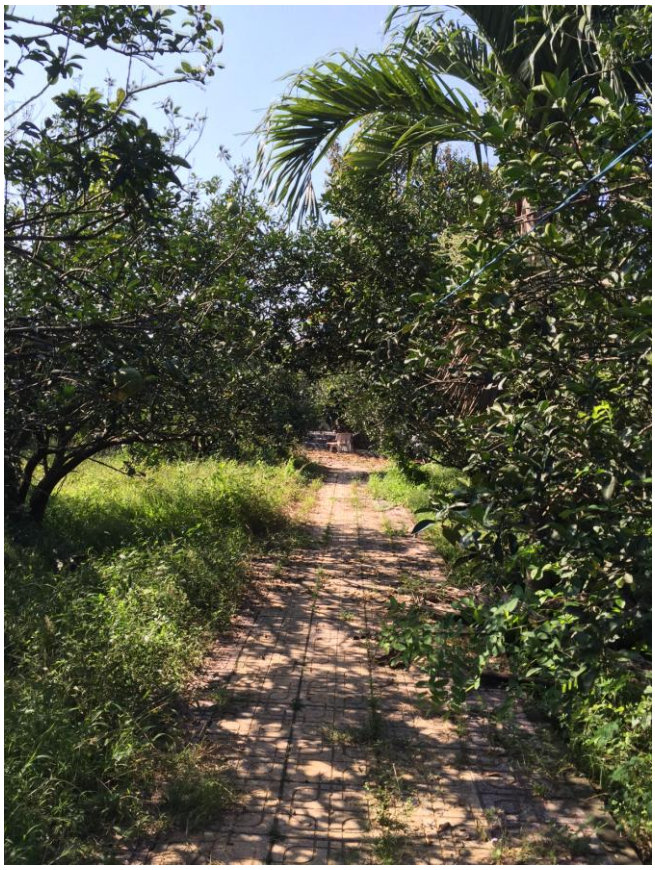

Con đường dẫn vào khu mộ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

Khu thờ tự của gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy được xây rất khang trang và kiên cố, phía trước là khoảng sân rộng được lát gạch là nơi con cháu tề tựu về để nhang khói cho ông bà, cha mẹ mỗi dịp lễ, tết hay mỗi khi nhà có đám giỗ. Phía trên cùng của khu thờ tự là tấm bia đá khắc nội dung do đính thân Thạc sĩ Trần Quang Thoại - Nguyên Giám đốc Bảo tàng tỉnh Đồng Nai viết.

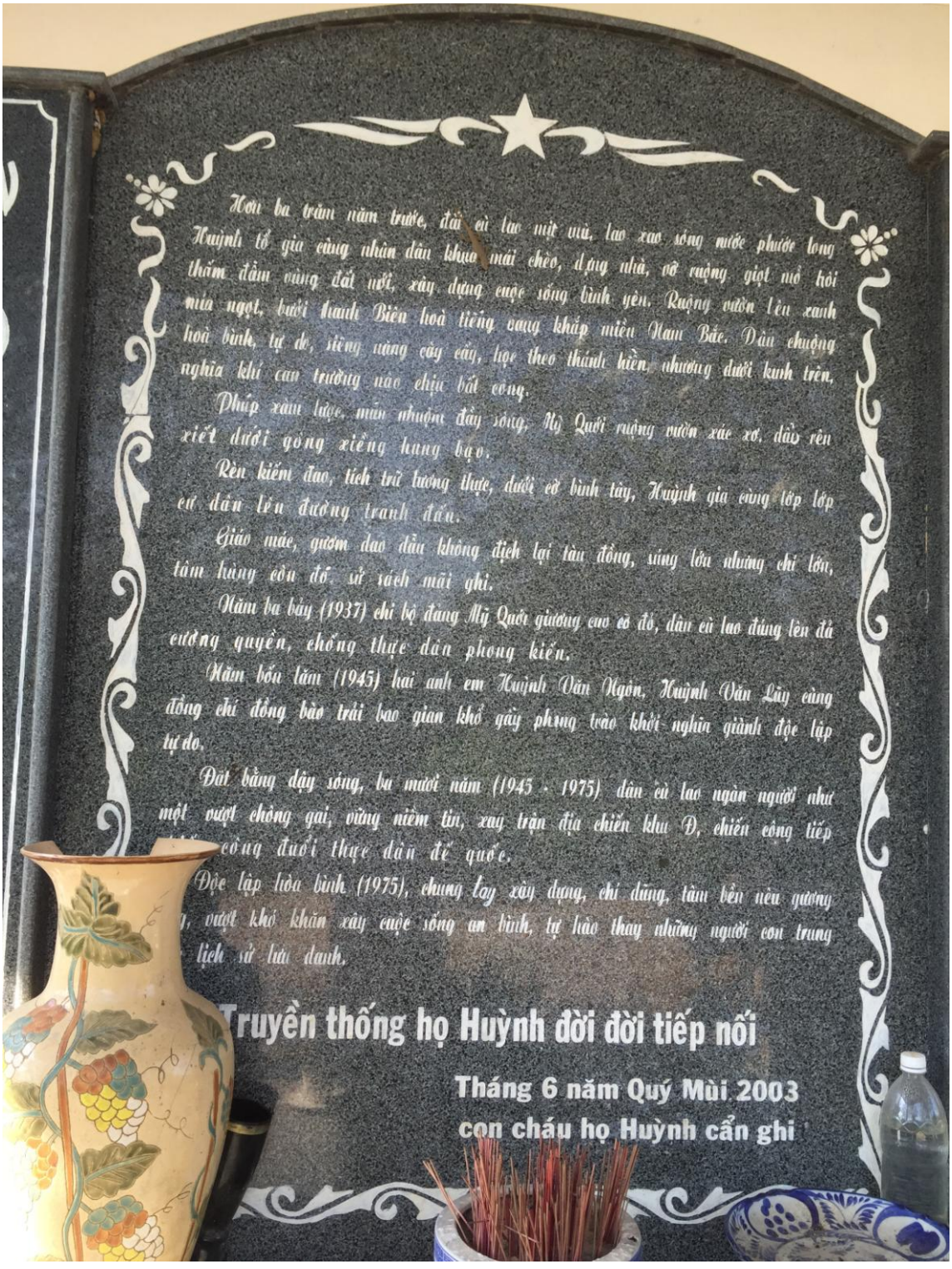

Sau tấm bia là sơ đồ gia phả họ Huỳnh

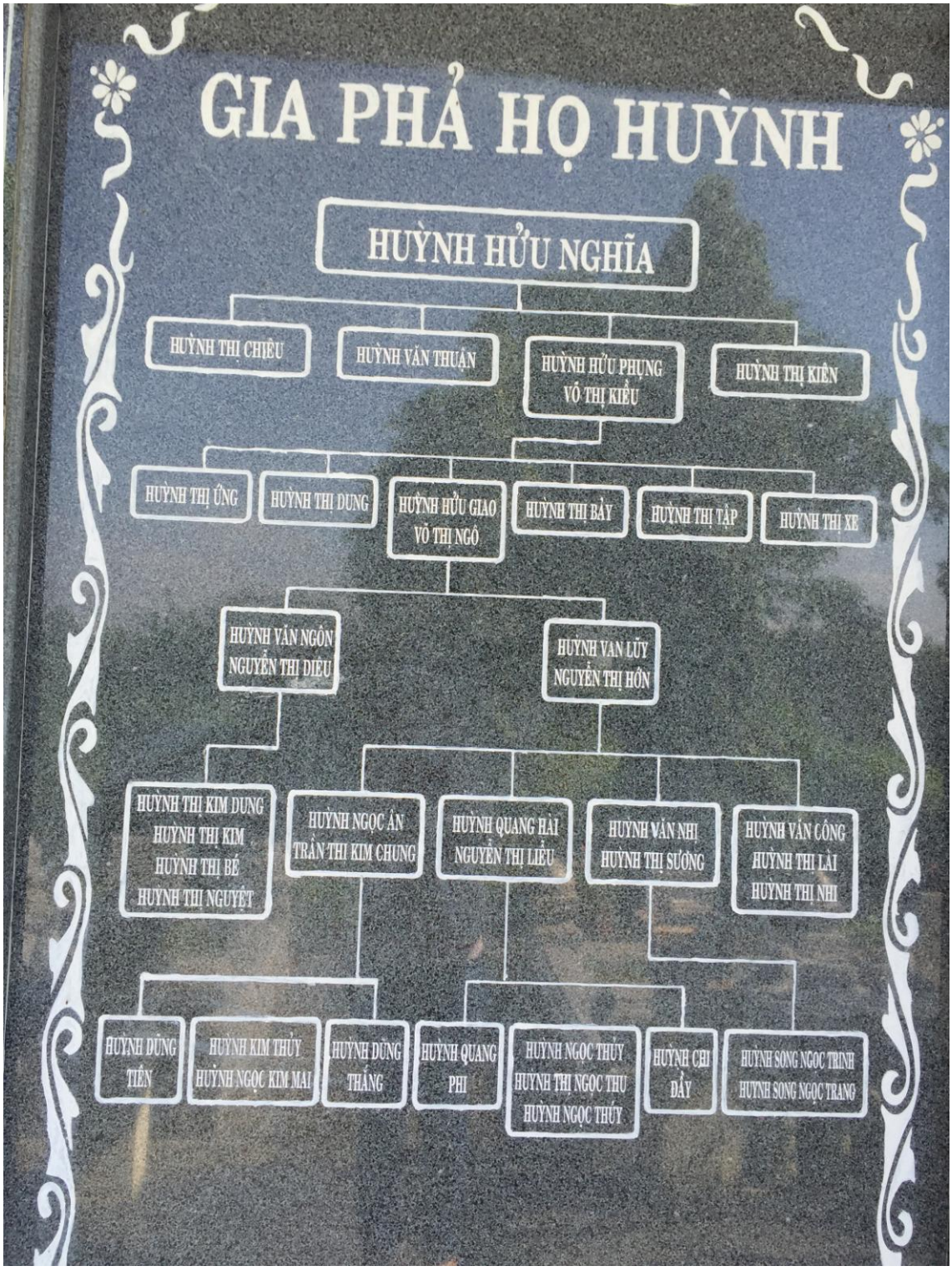

Thắp một nén nhang thành kính trước bàn thờ Liệt sĩ, tôi được ông Ấn dẫn xuống khu mộ của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Đứng trước mộ ông, lòng tôi bỗng dâng trào một cảm xúc thật khó tả. Chúng tôi - thế hệ 8X may mắn sinh ra khi chiến tranh đã lùi xa và ký ức về những ngày khói bom ác liệt ấy chỉ có thể tưởng tượng qua những lời kể của ông bà, cha mẹ và những thế hệ đi trước như ông Ấn. Ông bảo: Dù cha đã hy sinh nhưng trong ký ức của ông cha vẫn còn

Mộ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

hiện hữu. Trong gia đình 05 anh em ấy có lẽ ông là người được sống với ba nhiều nhất. Năm ông 12 tuổi vì đánh nhau với con của Việt gian mà Ba ông đã quyết định cho con nghỉ học ở trường làng để vào Chiến khu Đ nơi Ba ông hoạt động cách mạng tiếp tục học văn hóa. Ở đây vừa học văn hóa ông vừa làm nhiệm vụ liên lạc, chuyển thư đến các cơ quan trên địa bàn…Trong ký ức của ông, Ba là người rất nghiêm khắc, quyết đoán trong công việc nhưng ngoài đời lại rất hiền lành, luôn quan tâm và giúp đỡ mọi người. Với cương vị là Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh ba tôi đã lãnh đạo Mặt trận góp phần tích cực vào phong trào kháng chiến của nhân dân Biên Hòa từng bước được phát triển điển hình như: tổ chức Liên đoàn cao su (thành viên của Mặt trận) chống phá âm mưu bành trướng của thực dân, Hội phụ nữ cứu quốc huyện Vĩnh Cửu hỗ trợ bộ đội đánh giặc trừ gian, đồng bào dân tộc Chơro ở Lâm San (huyện Cẩm Mỹ hiện nay) được vận động tổ chức hỗ trợ bộ đội vượt Sông Ray…đặc biệt là phong trào bình dân học vụ, xóa mù chữ. Đến tận bây giờ, đồng bào dân tộc Chơro ấp Lý Lịch (huyện Vĩnh Cửu) không quên hình ảnh cán bộ Mặt trận về làng, học tiếng của đồng bào, dạy đồng bào con chữ và cách làm ăn, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số thành khối đoàn kết dân tộc, các dân tộc S'tiêng, Mạ, Chơro, Chăm … đều là anh em. Cho đến nay, già làng Năm Nổi ở ấp Lý lịch vẫn không quên được hình ảnh của đồng chí Huỳnh Văn Lũy, dù đồng chí đã hy sinh nhưng vẫn khắc sâu trong lòng đồng bào miền đông Nam bộ nói chung và đồng bào dân tộc nói riêng hình ảnh người cán bộ Mặt trận năng nổ hết lòng vì nước, vì dân.

Bên cạnh mộ của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy là mộ của hai cụ thân sinh. Cha Huỳnh Hữu Giao, mẹ Võ Thị Ngô. Theo lời kể của ông Huỳnh Ngọc Ẩn: Bà Nội có dáng người hơi nhỏ, ngày xưa vốn là người đẹp người, đẹp nết, khéo léo và giỏi giang. Mẹ sinh được hai người con trai là Huỳnh Văn Ngôn (Sinh năm 1912) và Huỳnh Văn Lũy (Sinh năm 1916). Ảnh hưởng của truyền thống gia đình cách mạng, cả hai người con trai của mẹ đều lên đường tham gia cách

mạng khi còn là những cậu thanh niên mười tám, đôi mươi. Năm 1946, trong trận càn của Pháp anh Huỳnh Văn Ngôn đã hy sinh khi mới 34 tuổi.

Mộ cha Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy Mẹ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

Nổi đau mất đi đứa con trai đầu chưa nguôi, mẹ lại nhận hung tin Huỳnh Văn Lũy hy sinh trên đường đi công tác ở Mỹ Quới, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa khi mới tròn 40 tuổi. Còn nổi đau thương mất mát gì hơn nổi đau của "người tóc bạc phải tiễn kẻ đầu xanh". Các anh đã mãi mãi yên nghỉ dưới lòng đất mẹ để đổi lấy hai chữ độc lập cho Tổ quốc, cho quê hương. Giờ đây, giữa lòng quê hương Tân Uyên cái nôi của cách mạng, cái nôi của chiến khu Đ sau gần nửa thế kỷ tiễn các anh đi nay lại ân cần, ưu ái đón các anh trở về nằm dưới lòng đất mẹ và nằm gần người mẹ thân yêu của mình, đó phải chăng chính là tâm nguyện, mong ước của không riêng các anh mà còn là tâm nguyện, mong ước của tất cả con cháu họ Huỳnh Văn. Năm 1995, mẹ đã vinh dự được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu cao quý "BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUY TẶNG DANH HIỆU
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Bà Võ Thị Ngô

Xã Bạch Đằng, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé
Đã có hai con, cả hai con hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc

Quyết định số: 438/QĐ - CTN ngày 24 tháng 4 năm 1995
Vào sổ vàng số: 14

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 1995
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Lê Đức Anh

Bên cạnh mộ Bà Võ Thị Ngô là mộ của vợ Liệt sĩ Bà Nguyễn Thị Du (hay còn gọi là Nguyễn Thị Hớn). Sinh năm 1917 mất năm 2011. Cũng như bao bà mẹ Việt Nam khác, lấy chồng ở thời chiến, chồng bà lại sinh ra trong một gia đình cách mạng nên từ nhỏ đã là hạt nhân hoạt động trong phong trào học sinh địa phương. Sau khi lấy vợ, ông vẫn tiếp tục lý tưởng và con đường đã chọn. Mẹ vừa phải làm tròn nhiệm vụ của một người vợ, người mẹ vừa thay chồng chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ chồng, nuôi dạy các con để chồng yên tâm công tác. Khi liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy bị bắt, tù đày, vợ ông cũng lặn lội thăm nuôi, động viên chồng cùng đồng chí luôn kiên trung, giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng.

Mộ vợ Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

Lần lượt tiễn chồng và 03 người con trai lên đường ra mặt trận, mỗi lần tiễn đưa là mỗi lần nước mắt mẹ lại rơi nhưng mẹ luôn cố giấu để chồng, con yên tâm lên đường. Hơn 20 năm kết hôn, thời gian được sống cùng chồng của mẹ chắc chỉ điếm trên đầu ngón tay, ông chỉ tranh thủ về thăm nhà được vài bữa lại hối hả đi. Năm 1956 nhận được tin chồng bị phục kích và bắn chết, mẹ đã khóc rất nhiều…Trong nỗi đau thương tưởng chừng không có gì bù đắp lại ấy, mẹ đã gắng gượng và mạnh mẽ đứng lên bởi vì mẹ còn một đàn con thơ, mẹ phải cố gắng đứng vững để làm chỗ dựa cho con. Nỗi đau mất chồng chưa nguôi ngoai thì năm 1964 mẹ lại nhận tin anh Huỳnh Văn Công (người con mẹ không mang nặng đẻ đau nhưng đã nuôi dạy từ bé) hy sinh trong trận tấn công vào Chi khu quân sự quận Tân Uyên. Lại một lần nữa nỗi đau chồng chất nỗi đau, mẹ lại cố nuốt những giọt nước mắt mặn chát vào trong để dặn lòng mình mạnh mẽ bước tiếp con đường phía trước. Ông Ẩn đã tâm sự với tôi: "Tôi vẫn còn nhớ như in khi nhận được giấy báo tử của anh, mẹ đã ngất đi" Nhưng hôm sau, mẹ đã nhanh chóng " đứng vững" bên đàn con thơ và không quên nhắc nhở chúng tôi "Ba, các bác, các cậu hy sinh nhưng chưa hẳn đã mất, họ đều được ghi danh trên bảng Tổ quốc ghi công, sống mãi mãi với non sông đất nước". Với những đóng góp và hy sinh thầm lặng của mẹ, năm 2014 mẹ đã vinh dự được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu " BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUY TẶNG DANH HIỆU
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Bà NGUYỄN THỊ DU
Xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Đã có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quyết định số: 3510/QĐ-CTN ngày 27 tháng 12 năm 2014
Vào sổ vàng số: 265

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2014
CHỦ TỊCH

Trương Tấn Sang

Được đến đây để tìm hiểu về quê hương, gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy tôi đã phần nào hiểu được về cuộc đời và sự nghiệp của người anh hùng mang tên con đường mà hàng ngày tôi đi qua. Trong gia đình có 03 bà mẹ việt nam anh hùng và 06 liệt sĩ ấy giờ đây thế hệ con, cháu dòng họ Huỳnh đều cố gắng học tập, làm việc tốt và đều có công ăn việc làm ổn định. Dẫu biết cái giá của hòa bình được đánh đổi bằng máu, nước mắt và sự hy sinh to lớn của gia đình Liệt sĩ đã góp phần đem lại tự do, hòa bình cho thế hệ chúng tôi ngày hôm nay nhưng sao tôi vẫn thấy tim mình nhói đau. Sự hy sinh mất mát của gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy quả không có gì có thể bù đắp nổi, mỗi lần trên bàn thờ thêm một danh hiệu, một tấm huân chương là mỗi lần những dòng nước mắt của người thân lại tuôn rơi. Ông Huỳnh Dũng Tiến (cháu đính tôn của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy) được đặt tên theo bí danh hoạt động cách mạng của ông nội đã từng tâm sự: Trãi qua các cuộc chiến tranh, nổi đau chia ly, mẹ mất con, vợ mất chồng đều gắn liền với những người thân thiết là bà nội, cố nội, cố ngoại của anh. Biến nổi đau thành niềm tự hào, các thành viên trong gia đình đều tâm niệm sự hy sinh của ông bà là động lực để con cháu học tập, làm việc tốt giúp cho đời, cho xã hội, cho cộng đồng. Không chỉ giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ con cháu, dòng họ Huỳnh còn xây dựng Quỹ học bổng mang tên Huỳnh Văn Lũy. Hơn 20 năm nay, hàng ngàn phần quà, suất học bổng đã được trao tặng cho các học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi các trường ở Tân Uyên như: Trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Lũy, Trường Trung học cơ sở Lê Thị Trung, Trường Phổ thông trung học Huỳnh Văn Nghệ. Đã có nhiều học sinh nhận học bổng này trở thành người thành đạt tiếp tục đóng góp xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Đại diện Quỹ học bổng Huỳnh Văn Lũy trao học bổng cho các em học sinh nghèo hiếu học thuộc trường THCS Huỳnh Văn Lũy

Ông Huỳnh Văn Nhị - Con trai út Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy đang trao quà từ thiện cho đồng bào miền Trung

Ngoài ra, các thành viên trong gia đình còn đóng góp, vận động hỗ trợ thăm, tặng quà nhân dịp lễ, tết cho người nghèo, gia đình chính sách khó khăn và gia đình có công với cách mạng ở xã Bạch Đằng. Từ các hoạt động từ thiện xã hội này đã tác động tích cực đến các thành viên trong gia đình.

Thế hệ trước dạy cho thế hệ sau lòng biết ơn, sự quan tâm đối với những mảnh đời khó khăn hơn mình. Quan tâm để những người khó khăn phát triển vươn lên làm giàu cho quê hương đất nước là niềm vui, là hạnh phúc của những người có quá khứ gắn liền với chiến tranh.

Tôi thật sự may mắn khi được về thăm quê hương giàu truyền thống cách mạng- nơi sinh ra, lớn lên và cũng là nơi Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy đã anh dũng hy sinh. May mắn vì được sinh ra và được sống trong hòa bình. Mỗi sáng, khi bước xuống phố đi trên con đường mang tên Huỳnh Văn Lũy dưới dòng xe tấp nập và hối hả, tôi vẫn bắt gặp đâu đó hình ảnh các cụ già đang thong thả đi bộ dọc bờ sông Đồng Nai, các em thơ đang hồn nhiên cắp sách tới trường...và tôi biết những gì tôi đang có được ngày hôm nay đều được đánh đổi bằng xương máu của bao thế hệ cha ông đi trước trong đó có Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Qua tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy và quá trình đi thực tế viết bài, bản thân tôi đã học tập được rất nhiều điều bổ ích và nhiều đức tính tốt đẹp từ ông đó là:

Lòng yêu nước, yêu quê hương nồng nàn. Nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy tôi thấy ở ông hội tụ rất nhiều đức tính tốt đẹp nhưng bao trùm lên tất cả là tình yêu quê hương, đất nước. Nhà văn I-li-a Ê-ren-bua đã từng nói: Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào đại trường giang Vônga, con sông Vônga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu nước. Câu nói trên của nhà văn hào Nga thật đúng với trường

hợp của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy. Sinh ra trong một gia đình, một quê hương có truyền thống cách mạng, có lẽ vì thế lòng yêu nước đã ăn sâu vào tinh thần, ý thức trở thành bản năng trong con người ông. Lớn lên lại phải chứng kiến cảnh áp bức bóc lột dã man của thực dân phong kiến nên đã hun đúc nên trong tâm hồn của nhà yêu nước ý chí, nghị lực đấu tranh và sớm giác ngộ ý tưởng cách mạng. Năm 1935 khi mới 19 tuổi ông đã là hạt nhân của tổ chức "Liên đoàn học sinh" hoạt động trong phong trào học sinh địa phương. Trong suốt thời kỳ hoạt động cách mạng, nhiều lần bị địch bắt giam cầm và tra tấn dã man nhưng ông vẫn kiên trung, giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Tình yêu quê hương đất nước ở Huỳnh Văn Lũy chính là yêu những gì thân thuộc nhất, gần gũi nhất:

Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng
Ôi Tổ quốc nếu cần ta sẽ chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông

Hay: Tình yêu Tổ quốc là đỉnh núi, bờ sông
Đến khi tột cùng là dòng huyết chảy

Cái chết của Huỳnh Văn Lũy là minh chứng hùng hồn, là sự thể hiện cao nhất tình yêu quê hương, đất nước của ông.

Thế hệ chúng tôi may mắn sinh ra trong hòa bình, ý thức được có cuộc sống bình yên ngày hôm nay đã phải đánh đổi bằng bao nhiêu nước mắt, mồ hôi, xương máu của các thế hệ cha anh đi trước. Vì thế, bản thân tôi sẽ không ngừng nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ chính trị. Nêu cao tinh thần xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ đi bất cứ nơi đâu và làm bất cứ việc gì mà tổ chức và nhân dân giao phó. Luôn giữ vững lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định không để kẻ xấu lôi kéo, lợi dụng. Tin tưởng và trung thành tuyệt đối vào đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Thương yêu dân, gần gũi với nhân dân: Cũng như bao chí sĩ yêu nước thời bấy giờ, tư tưởng yêu nước ở Huỳnh Văn Lũy luôn gắn liền với tư tưởng thương dân. Sinh ra trên một làng quê nghèo, từ nhỏ đã chứng kiến cảnh lầm than, cơ cực của người dân. Lớn lên, càng thấm thía thân phận cùng khổ của người dân mất nước nên lúc nào trong tâm tưởng của người chiến sĩ cách mạng ấy cũng luôn canh cánh một mục tiêu: giải phóng quê hương, giải phóng nhân dân khỏi các áp bức, bóc lột. Để thực hiện mục tiêu ấy, ở bất kỳ cương vị hay công việc gì, Huỳnh Văn Lũy cũng luôn hướng về nhân dân, lấy nhân dân làm đối tượng để phục vụ. Giai đoạn 1947- 1951, với vai trò Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh và Chủ nhiệm Mặt trận Liên Việt Huỳnh Văn Lũy đã giữ vai trò hạt nhân trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, ủng hộ và phát triển các phong trào "Hũ gạo nuôi quân", "Mùa đông binh sĩ"… từ vùng đô thị, nông thôn để ủng hộ kháng chiến. Huỳnh Văn Lũy còn giữ vai trò nòng cốt trong việc dạy

đồng bào con chữ và cách làm ăn, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số thành khối đoàn kết dân tộc. Có lẽ vì thế mà đến tận bây giờ hình ảnh người chủ nhiệm mặt trận Việt Minh năng nổ, hết lòng vì dân ấy vẫn luôn được khắc ghi trong lòng đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào vẫn luôn nhắc về ông với niềm biết ơn vô hạn.

Học tập tấm gương của Huỳnh Văn Lũy về tinh thần thương dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân tôi cũng rút ra cho mình những bài học thật bổ ích. Với cương vị là người cán bộ, đảng viên công tác tại một cơ quan về khoa học và công nghệ lại được giao phụ trách công việc thường xuyên tiếp xúc với nhân dân tôi tự thấy mình có trách nhiệm rất nặng nề. Bản thân tôi sẽ cố gắng hướng dẫn tận tình nhân dân khi đến liên hệ công tác tại cơ quan, không quan liêu, hách dịch, cửa quyền, không lợi dụng chức vụ quyền hạn để những nhiễu, gây khó khăn cho nhân dân. Thể hiện sự thân thiện, gần gũi, luôn lắng nghe và quan tâm giải quyết các yêu cầu kiến nghị hợp tình, hợp lý của nhân dân. Luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, nghiêm túc và thẳng thắn tiếp thu góp ý của nhân dân để khắc phục hạn chế, khuyết điểm.

Đánh giá về cuộc đời hoạt động cách mạng của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy, PGS.TS Huỳnh Văn Tới - Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai đã viết: " 21 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Huỳnh Văn Lũy đã để lại những ấn tượng tốt đẹp trong đồng chí và đồng bào 2 tỉnh Bình Dương, Đồng Nai. Đồng chí là một trong những cán bộ chủ chốt, cánh chim đầu đàn của phong trào cách mạng vùng Đông Nam bộ và Chiến khu Đ. Đồng chí đã được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân 2 tỉnh Đồng Nai và Bình Dương ghi nhận, tôn vinh. Thành tích của đồng chí được ghi danh trong lịch sử, địa chí Đồng Nai Bình Dương. Tên đồng chí được đặt cho con đường gần bờ sông Đồng Nai (TP.Biên Hòa), và trên mảnh đất Bạch Đằng nơi ông ngã xuống cũng có một ngôi trường mang tên đồng chí Huỳnh Văn Lũy. Đồng chí Huỳnh Văn Lũy mãi là tấm gương cho các các thế hệ mai sau học tập và noi theo".[1]

Rời xã Bạch Đằng và gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy khi chiều đã buông xuống, những ánh nắng yếu ớt cuối ngày len lỏi trên những vườn bưởi xanh tốt và chiếu trên mặt sông Đồng Nai lóng lánh như một tấm gương khổng lồ. Tôi lên phà để qua bên kia sông. Nhìn xuống dòng sông cuồn cuộn, đục ngầu phù sa của mùa này tôi lại nghĩ về một loại phù sa khác - những người con ưu tú của mảnh đất Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là tỉnh Bình Dương) đã ngã xuống hay đã cống hiến hết cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc để thế hệ chúng tôi ngày hôm nay được sống trong hòa bình, bất giác tôi lại nhớ đến câu nói của nhà văn Nguyễn Khải trong truyện ngắn " Mùa lạc" :

" Sự sống nảy sinh từ cái chết. Hạnh phúc hiện hình từ trong những hy sinh, gian khổ..." Cù lao Bạch Đằng quê hương ông hôm nay đang thay da đổi thịt

[1] PGS.TS Huỳnh Văn Tới, Nhớ người Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh, bài đăng trên Báo Đồng Nai số ra ngày 14/7/2016

từng ngày, chắc rằng ở nơi xa kia ông sẽ mỉm cười hài lòng vì sự thay đổi ấy. Đã 60 năm kể từ ngày ông ra đi, bao nhiêu mùa bưởi đã nở hoa nhưng trong tâm tưởng của của nhân dân miền Đông Nam Bộ nói chung, nhân dân Đồng Nai nói riêng ông vẫn còn sống mãi.

LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tỉnh Đồng Nai đã diễn ra và đạt được thắng lợi to lớn, thực sự trở thành ngày hội của cử tri toàn tỉnh với không khí dân chủ, vui chơi, phấn khởi, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và tuân theo các quy định của pháp luật. Kết quả bầu cử đã có 11 người trúng cử đại biểu Quốc hội, 87 người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 426 người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và 5095 người trúng cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Kết quả đạt được không quên nhắc chúng ta trở về với quá khứ. Kể từ ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên ngày 06 tháng 01 năm 1946, cử tri tỉnh Biên Hòa (nay là tỉnh Đồng Nai) đã nô nức tham gia cuộc bầu cử và đã bầu được 03 đại biểu Quốc hội đầu tiên của tỉnh Biên Hòa[2]. Đến nay, trãi qua 14 nhiệm kỳ,70 năm trưởng thành đã có rất nhiều đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai vinh dự là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân ở tỉnh Đồng Nai, thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội như: Đại biểu Phạm Văn Búng; Hoàng Minh Châu; Nguyễn Văn Nghĩa; Điểu Xiển; Lê Quang Chữ; Lê Văn Ngọc, Lý Văn Sâm; Phạm Văn Hy...

Trong số các đại biểu Quốc ở Đồng Nai qua các nhiệm kỳ đã qua đời mà tôi biết tôi chọn viết về đại biểu từng là Tổng thư ký Hội văn nghệ giải phóng miền Nam Việt Nam, nhà hoạt động cách mạng kiên cường và nhà văn xuất sắc của miền Nam - nhà văn Lý Văn Sâm. Tôi chọn viết về ông vì đây có lẽ là đại biểu Quốc hội đầu tiên và duy nhất của tỉnh Đồng Nai vừa là nhà hoạt động cách mạng vừa là nhà văn có những tác phẩm sống mãi với không gian và thời gian. Bên cạnh gia tài văn chương quý giá để lại, Lý Văn Sâm còn có quá trình cống hiến cách mạng lâu dài và son sắc. Hoạt động trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các tác phẩm xuất sắc của ông đã gieo vào lòng đọc giả đương thời nhiều ấn tượng tốt đẹp, khơi dậy những khát vọng và hướng họ đến với con đường đấu tranh, giải phóng dân tộc. Giai đoạn 1945 - 1954, Lý Văn Sâm được đánh giá là một trong hai cây bút xuất sắc nhất ở miền Nam. Ông cũng là một trong ba nhà văn của Đồng Nai được vinh dự truy tặng Giải thưởng Nhà nước năm 2006.

Cuộc thi " Tìm hiểu giá trị lịch sử văn hóa tỉnh Đồng Nai năm 2016" với nội dung đề thi tập trung vào tìm hiểu các đại biểu Quốc hội ở tỉnh Đồng Nai qua các nhiệm kỳ là một hoạt động thiết thực và ý nghĩa chào mừng thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 tỉnh Đồng Nai. Thông qua việc tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Lý Văn Sâm sẽ cung cấp thêm cho chúng ta những thông tin bổ ích về vị đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai khóa VI, từ đó thấy được những đóng góp của ông trong quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương Đồng Nai, là tấm gương sáng để các thế hệ hôm nay và mai sau học tập và noi theo.

[2] 03 đại biểu Quốc hội đầu tiên của tỉnh Biên Hòa gồm: Phạm Văn Búng, Hoàng Minh Châu, Điểu Xiển

Nhà văn Lý Văn Sâm (1921-2000)

I.Cuộc đời và sự nghiệp của Nhà văn Lý Văn Sâm

1. Vài nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Nhà văn Lý Văn Sâm

Nhà văn Lý Văn Sâm (tên gọi khác là Đào Lê nhân) sinh ngày 17 tháng 02 năm 1921 nhằm ngày mồng Mười tháng Hai năm Tân Dậu tại làng Tân Nhuận, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là xã Bình Long, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Đây là vùng rừng núi hoang vu vì thế không ít lần Lý Văn Sâm nói "tôi sinh ở trong rừng" .

Nằm bên kia sông Đồng Nai, phía tả ngạn, là quê nội của ông, làng Bình Long, thuộc tổng Phước Vinh hạ, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Đồng Nai). Đây là làng cổ của người Việt và cũng là một làng nằm giữa vùng rừng núi. Sau này, khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, vùng đất này là một phần của Chiến khu Đ oai hùng và huyền thoại. Theo Nhà văn Hoàng Văn Bổn - đồng hương của Lý Văn Sâm thì "*Bình Long là cái làng nghèo, quê mùa, nằm dọc theo sông Đồng Nai. Từ trên cao nhìn xuống, làng Bình Long chúng tôi như một cái bàu nhỏ lọt thỏm giữa rừng đại ngàn miền Đông Nam bộ, có con sông Đồng Nai như sợi chỉ nhỏ vắt qua, bò, trườn từ Đồng Nai thượng, Lang Biang qua Cát Tiên, thác Trị An, ngã ba Sông Bé, xuống ngã ba Bình Ninh - cù lao Mỹ Quới, xuống cù lao Thạnh Hội, Bửu Long, cù lao Phố và tuột ra biển cả*[3]"

Sau này, khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, vùng đất này là một phần của Chiến khu Đ oai hùng và huyền thoại. Bình Long cũng như cả vùng Tân Uyên trước năm 1945 rất nghèo, thế nhưng chính vùng đất miền rừng, nghèo khổ đó lại là nơi sinh ra những nhà cách mạng, nhà văn, nhà thơ tài hoa trong một thời kỳ sôi động của đất nước. Điều đặc biệt là vùng đất nghèo khổ ấy lại được xem là vùng đất *"địa linh nhân kiệt"*là nơi sinh ra của những tài năng như: Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ, Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy (Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa); Tô Văn Của (nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến tỉnh Biên Hòa); Nhà văn Bình Nguyên Lộc, Hoàng Văn Bổn và Lý Văn Sâm.

Cha của Lý Văn Sâm là Lý Văn Huề làm viên chức kiểm lâm, mất năm 1943, mẹ là Đặng Thị Út ở nhà nội trợ và buôn bán nhỏ, mất năm 1942. Do cha mẹ đều mất sớm nên gia đình Lý Văn Sâm sau đó phải trãi qua nhiều biến cố và rơi vào cảnh khó khăn.

Lý Văn Sâm là con đầu trong gia đình có 05 anh em. Ngoài ông được cha mẹ đầu tư cho học hành tử tế, bốn người em còn lại của ông đều phải làm thuê, làm mướn thậm chí đi ở đợ. Từ nhỏ, ông ở với bà ngoại ở làng Tân Nhuận. Tuổi thơ của Lý Văn Sâm nằm trong lòng bà ngoại nhiều hơn trong lòng mẹ. Là vì mẹ tôi phải buôn bán vất vả quanh năm. Một chuyến ra tỉnh trở về cũng mất bảy, tám ngày…Tôi nằm trong lòng bà, lớn lên trong tay bà, như tôi đã nằm vắt vẻo trong chiếc võng cũ, trọn những ngày thơ ấu.

[3] Hoàng Văn Bổn, Lượm cái hoa rơi, NXB Đồng Nai, 2000, 59-60

Bảy tuổi, Lý Văn Sâm được cha ông được cha ông đưa xuống làng Uyên Hưng (thị trấn Tân Uyên ngày nay) để học sơ học tại trường làng. Trường nằm kế bên nhà anh Tô Văn Tuấn (tên thật của nhà thơ Bình Nguyên Lộc). Nhìn bên này sông, Lý Văn Sâm nhìn về quê nội Bình Long rất rõ. Những thay đổi chút ít về hoàn cảnh sống không làm khác đi tâm hồn giàu lãng mạn của cậu bé Lý Văn Sâm. Khung cảnh thơ mộng với những cánh cò trắng và thiên nhiên tươi đẹp, hoang dã ở nơi đây đã thấm đẫm tâm hồn lãng mạn của cậu học trò nhỏ như ông đã tâm sự: *"Hàng ngày tôi vẫn thường ra đi một lượt với lũ cò. Tôi cắp những cặp sách mỏng kèm theo một mo cơm nhão và đếm từng bước nhỏ trên con đường trải đá son, theo vòng bán nguyệt của dòng nước lụt, giống như một nét viết chì đỏ và một nét viết chì xanh vẽ sông trên những trang giấy trắng thành hình một cái móng đóng trên trời. Trưa tôi ở lại và ăn cơm dưới gốc nhãn trong sân trường. Chiều, tôi về một lượt với đàn cò. Không biết buổi sáng cò bay đi đâu mà chiều cò lại về đúng giờ, đúng khắc quá"*.

Mười tuổi, vì lo cho tương lai của các con mà Ông Lý Văn Huề đã quyết định chuyển cả gia đình lên tỉnh lỵ Biên Hòa sống. Lý Văn Sâm được cha gửi học ở Trường tiểu học hoàn chỉnh (École primaire de plein exercices) (nay là Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du). Đây là trường tiểu học duy nhất ở Biên Hòa lúc bấy giờ. Ở đây, cậu bé Lý Văn Sâm được học tiếng Pháp và được học với với rất nhiều thầy giáo giỏi như thầy giáo Năm, thầy Lương Văn Lê, thầy Huỳnh Văn Giỏi, Thầy Nguyễn Văn Tòng… Trong số các thầy giáo tiểu học ở Biên Hòa, Lý Văn Sâm yêu mến nhất là Thầy Tòng. Lý Văn Sâm cũng đặc biệt yêu quý thầy Năm Trừu - thầy giáo mù đã dạy đàn cho ông. Sau này, khi bắt đầu viết văn, Lý Văn Sâm nhớ về thầy giáo cũ và sáng tác truyện ngắn ***Tiếng Đàn sông Phố*** đăng trên ***Tiểu thuyết thứ bảy***. Chính tiếng sáo của Thầy Năm Trù đã thổi vào tâm hồn trẻ Lý Văn Sâm những khúc ca tình tự đầu tiên của quê hương. Đó còn là " tiếng sáo phảng phất tiếng réo gọi của quê hương, thấm đậm hào khí Đồng Nai thi vị và anh hùng".

Nhà Văn Lý Văn Sâm thời trẻ

Học xong năm lớp nhứt (cours Supérieur), Lý Văn Sâm đã thi lấy bằng tiểu học. Tốt nghiệp tiểu học ở quê, Lý Văn Sâm xuống Sài Gòn thi đậu loại nửa nội trú nửa không của trường Pétrus Ký - trường trung học lớn nhất Nam Kỳ (nay là Trường trung học phổ thong Lê Hồng Phong). Đây cũng là trường mà Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ học. Học trường này không lâu thì giữa ông với đốc học Nguyễn Văn Dĩ xảy ra xung đột nên bị buộc thôi học. Ông phải xin vào học trường tư thục Lê Bá Cang, nhưng chỉ một thời gian ngắn thì nghỉ học về Biên Hòa.

Giai đoạn từ 1936-1939, Lý Văn Sâm cùng một vài người bạn lập một gánh hát nghiệp dư, lấy tiền đi hát để giúp các quỹ cứu tế, hội đá banh, hội âm công... Vốn là người Nam bộ mê cải lương nên ông đã viết một số vở tuồng trong đó có vở Mũi tên diệt bạo. Cơ duyên này đã dẫn ông làm quen với tên tuổi lớn của làng cải lương - soạn giả Trần Hữu Trang.

Sau năm 1939, Lý Văn Sâm lên miệt Định Quán dạy kèm con gái vị hương cả người dân tộc. Nửa năm sau, tình thầy trò chuyển sang tình yêu. Gặp lúc mẹ đang muốn có cháu bồng nên ông cưới vợ và dẫn nhau về thị xã Bình Trước sống. Tuy có vợ nhưng Lý Văn Sâm còn quá trẻ nên ông Lý Văn Huề đã liên hệ Trường Trung học tư thục Hồ Đắc Hàm ở Huế xin cho con vào học. Học ở đây được vài năm thì trường phát hiện Lý Văn Sâm đã có vợ nên sau đó ông bị mời ra khỏi trường. Rời trường Hồ Đắc Hàm, Lý Văn Sâm xin vào học Trường Trung học Phú Xuân. Những năm tháng học trên đất kinh kỳ cổ kính đã gợi cho Lý Văn Sâm nhiều kỷ niệm đẹp. Tại đây, ông đã được gặp gỡ cụ Phan Bội Châu- một nhà yêu nước lớn, một chí sĩ cách mạng Việt Nam và gặp lại soạn giả Trần Hữu Trang.

Cuối năm thứ tư bậc trung học, Lý Văn Sâm lại bỏ học giữa chừng để về Biên Hòa. Về Biên Hòa vài tháng, anh lại xuống Sài Gòn học trường Lycéeum Paul Doumer theo yêu cầu của cha ông. Nhưng, Lý Văn Sâm không còn hứng thú với chuyện học hành và bỏ học ở trường này và lần này là bỏ học vĩnh viễn.

Về Biên Hòa một thời gian, Lý Văn Sâm mở tiệm may,có lúc mở tiệm cắt tóc để kiếm sống có khi xuống tận miền Tây để dạy học.

Năm 1941, đánh dấu sự xuất hiện của nhà văn Lý Văn Sâm trên văn đàn với truyện ngắn Cây nhị sông Phố đăng trên Tiểu thuyết Thứ bảy, những truyện đường rừng đầu tiên của một nhà văn miền Nam. Sau đó nhiều sáng tác của nhà văn được các báo trong Nam ngoài Bắc đăng tải.

Năm 1942 nghe tin mẹ mất Lý Văn Sâm về để thọ tang mẹ. Sau đó, ông lại bỏ cha già và bầy em dại chạy theo bạn bè. Một năm sau ngày mẹ mất, cha ông cũng ra đi. Ông lại trở về lo tang cho cha, lo xây cất mồ mả và gánh vác sự nghiệp do cha để lại. Ông đã phải dừng bước giang hồ, quăng túi thơ để nối nghiệp cha lo cho gia đình. Ông thay cha cai quản lò than ở Trị An nhưng chỉ làm được một thời gian thì thất bại. Sự gắn bó với núi rừng khi làm chủ lò than ở Mã Đà - Trị An đã giúp Lý Văn Sâm viết nên những trang văn đặc sắc về cảnh núi non hoang sơ, kỳ vĩ và cuộc sống của con người mộc mạc, chất phác ở đây.

Đó là mạch nguồn để ông sáng tác các tác phẩm nổi tiếng như: Mã Đà sơn cước, Kòn Trô… từ đó văn chương như con đường định mệnh để ông dấn thân vào.

Là một nhà văn lại là người lãng mạn nhưng Lý Văn Sâm luôn ý thức được sự mất tự do khi phải sống trong một đất nước nô lệ. Tình cảnh đất nước với nhiều nỗi thống khổ, lẫn nỗi nhục của bao người dân xung quanh kiến Lý Văn Sâm không thể làm ngơ. Chính vì thế, khát vọng tự do, công bằng trong một xã hội nô lệ đã đưa Lý Văn Sâm đến với cách mạng một cách tự nhiên.

Từ năm 1943, Lý Văn Sâm đã giác ngộ cách mạng và tham gia các cuộc rãi truyền đơn, tuyên truyền cách mạng cho tầng lớp thanh niên học sinh ở Biên Hòa. Năm 1945, Lý Văn Sâm được bố trí làm cán bộ tuyên truyền của tỉnh Biên Hòa mà trực tiếp là Ban tuyên truyền quận Châu Thành. Sau đó, Lý Văn Sâm rời Biên Hòa đi về vùng căn cứ kháng chiến là Tân Hòa, Tân Tịch, Lạc An…Sau khi chiếm thị xã, thực dân Pháp ra sức xây dựng bộ máy chính quyền tay sai từ tỉnh xuống huyện, xã. Thực dân Pháp mở các cuộc càng quét, bố ráp liên tục. Do đó, Lý Văn Sâm vào hoạt động trong chiến khu Đ, nơi đây ông gặp chiến thi tướng Huỳnh Văn Nghệ, lúc đó đang là Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, kiêm Ủy viên quân sự, Chỉ huy Trưởng vệ quốc đoàn Biên Hòa. Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ và nhà văn Lý Văn Sâm là đồng hương với nhau. Lý Văn Sâm đã ngưỡng mộ Huỳnh Văn Nghệ từ lâu. Nổi danh là võ tướng nhưng Huỳnh Văn Nghệ là người nặng lòng với văn chương có nhiều bài thơ hay trong đó nổi tiếng với bài Nhớ Bắc. Bằng uy tín và tầm ảnh hưởng của mình, Huỳnh Văn Nghệ đã mời gọi nhiều văn nghệ sĩ, trí thức vào căn cứ kháng chiến Chiến khu Đ để họ chứng kiến sức mạnh quật khởi của nhân dân, hiểu hơn về kháng chiến. Huỳnh Văn Nghệ chính là người thầy có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp cách mạng và văn chương của Lý Văn Sâm.

Nhà văn Lý Văn Sâm thăm mộ Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ

Là cán bộ tuyên truyền của tỉnh, Lý Văn Sâm phải đi nhiều nơi trong địa bàn chiến khu Đ. Năm 1946, Lý Văn Sâm về làng Bình Long để tìm Huỳnh Văn Nghệ nhưng không gặp được Thi tướng mà gặp phải trận càn lớn của Thực dân Pháp. Sau trận càn, ông bị bắt nhốt vào bót Cây Đào. Bị giam ở đây mấy ngày, quân Pháp đưa Lý Văn Sâm về giam tại khám Biên Hòa. Sau khi được thả về, Lý Văn Sâm lên Sài Gòn làm báo, viết văn với các bạn là những nhà văn, nhà báo yêu nước như Dương Tử Giang, Hoàng Tấn và tham gia các hoạt động điệp báo trong lòng địch. Chính vì vậy, ông phải thay đổi bút danh liên tục.

Giai đoạn 1945-1954 là thời kỳ sáng tác sung sức nhất của Lý Văn Sâm. Vừa hoạt động cách mạng, vừa tự nuôi thân để sống, nhà văn đã sáng tác nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Ông khắc họa chân dung những người trí thức Việt Nam trên những nẻo đường kháng chiến. Qua tác phẩm, ông phơi bày cuộc sống quẩn quanh, khổ cực của nhân dân trong vùng bị địch kiểm soát, nói lên khát vọng về tự do, chân lý và phản ánh sức sống của quần chúng trong vùng kháng chiến. Lời văn của ông vừa tha thiết, nồng nàn như một lời tự sự tâm tình về quê hương, đất nước, lẽ sống của dân tộc.

Năm 1949, Lý Văn Sâm bị bắt trong khi đang làm quản lý cho tờ *Cộng Đồng*. Năm 1950, ra khỏi nhà giam, ông vào chiến khu công tác ở Ban sưu tập Phân liên khu miền Đông. Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công về thành phố hoạt động hợp pháp trên mặt trận văn nghệ, báo chí.

Tháng 11 năm 1955, ông bị địch bắt và giam tại Trung tâm cai huấn Biên Hòa. Tháng 12 năm 1956, ông tham gia lãnh đạo tù chính trị nổi dậy, cướp súng, phá trại giam, thực hiện vụ phá nhà lao Tân Hiệp nổi tiếng ngày 02 tháng 12 năm 1956 tại Biên Hòa. Cuộc vượt thoát cho dù có trả giá đắt nhưng cũng đã thành công, và Lý Văn Sâm lại trở về với đồng đội của mình một cách chính danh là người kháng chiến. Ra khỏi tù, ông quay về Chiến khu Đ, tiếp tục hoạt động cách mạng, tham gia lực lượng văn nghệ Giải phóng.

Nhà văn Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bổn và nhạc sĩ
Lưu Hữu Phước trong chiến khu Đ

Từ năm 1956 đến năm 1958, nhà văn Lý Văn Sâm làm Chánh văn phòng Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Dầu Một, Trưởng đoàn Văn công miền Nam, chủ bút báo *Chiến Thắng* của Quân giải phóng miền Nam.

Những năm 1959 đến 1961, ông công tác ở Ban Tuyên huấn Trung ương Cục Miền Nam, lần lượt đảm nhận các chức vụ: Chính trị viên đoàn Văn công Giải phóng, Thư ký tòa soạn báo Văn Nghệ giải phóng, Vụ Trưởng Vụ Nghệ thuật (Bộ Văn hóa Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam).

Năm 1962, Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam thành lập, Lý Văn Sâm được bầu làm Tổng thư ký đầu tiên của Hội. Nhiều năm trong cuộc đời tham gia cách mạng đã khiến mái tóc của Lý Văn Sâm đã pha sương dù ông mới bước qua tuổi ngũ tuần. Ông đã đi rất nhiều nơi, trải qua nhiều vùng đất, càng đi càng thấy nhớ nơi mình vừa đến bồi hồi nghĩ về biết bao con người thân thuộc từng quen biết rồi lại chia xa.

Những năm kháng chiến chống Mỹ và sau này Lý Văn Sâm viết ít hơn giai đoạn trước. Ông dành nhiều thời gian cho các hoạt động khác theo yêu cầu của cách mạng. Những tác phẩm của Lý Văn Sâm giai đoạn này chủ yếu khắc họa những người thân, đồng đội, đồng nghiệp, những trí thức - chiến sĩ cách mạng, không ngại hy sinh, gian khổ vì đại nghĩa.

Sau năm 1975, Lý Văn Sâm được bầu làm Phó Chủ tịch Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đại biểu Quốc hội (khóa VI), Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh và nhiều năm làm Chủ tịch Hội Văn học tỉnh Đồng Nai. So với các nhà văn tham gia kháng chiến, ông là người giữ chức vụ cao nhất.

Nhà văn Lý Văn Sâm tham dự Hội nghị quốc tế tại Liên Xô

Tâm nguyện của ông lúc cuối đời là về lại quê hương Biên Hòa - Đồng Nai, cất một mái nhà nhỏ, sống gần gũi với bà con làng xóm. Song do điều kiện không cho phép, nhà văn Lý Văn Sâm vẫn cư ngụ tại thành phố Hồ Chí Minh, hưởng biên chế, lãnh lương của hội Văn nghệ thành phố. Tuổi già và bệnh tai biến đã không cho nhà văn Lý Văn Sâm thực hiện tâm nguyện của đời mình, Ông từ trần vào lúc 19 giờ 02 phút ngày 14 tháng 9 năm 2000 (nhằm ngày 14 tháng 8 năm Canh Thìn) tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tiến sỹ Huỳnh Văn Tới và Nhà văn Bùi Quang Huy đọc điếu văn tại lễ tang nhà văn Lý Văn Sâm

Khi nghe tin ông mất, nhà thơ Hoàng Tấn- bạn thân của nhà văn Lý Văn Sâm đã viết một bài thơ điếu để tặng ông. Bài điếu có đoạn như sau:

Lý Văn Sâm ơi!

Từ trên cao bạn xuống đây

Hạn kỳ đã hết bạn bay về trời

Chuyến tàu định mệnh đã xuôi

Thương Sâm chẳng nói nên lời lòng đau

Đã đành kẻ trước, người sau,

Cố nhân ơi! Hỡi đâu màu thiên thanh

Khóc Sâm cả với lòng thành

Mắt khô lâu bỗng long lanh lệ nhòa

Chúc Sâm yên giấc miền xa!

Với những cống hiến lớn lao của nhà văn, nhà báo, nhà cách mạng Lý Văn Sâm trên các mặt trận cách mạng, văn hóa, văn học, báo chí,… Ông được Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như:

Huân chương Độc lập hạng nhì;

Huân chương Kháng chiến hạng nhất;

Huy chương vì sự nghiệp văn học Việt Nam,

Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2006;

Huy hiệu 40 năm tuổi đảng.

Để tỏ lòng biết ơn sâu sắc với những cống hiến lớn lao của nhà văn, nhà báo Lý Văn Sâm đối với cách mạng Việt Nam, với sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, với sự nghiệp báo chí, văn nghệ, văn học nước nhà nói chung và quê hương Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, Năm 2007 nhân dân và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai vinh dự lấy tên ông để đặt cho con đường K24 (cũ) thành con đường mang tên Lý Văn Sâm.[4]

Điểm đầu của đường Lý Văn Sâm giao với đường Đồng Khởi

2. Vài nét về gia đình Nhà văn Lý Văn Sâm

Nhà văn Lý Văn Sâm là người đa tài, đào hoa nên từ thời mới lớn đã có nhiều cô gái thầm yêu trộm nhớ. Ông kết hôn sớm với người vợ đầu là Bà Tchô Chay - con gái của vị Hương cả ở Túc Trưng, Định Quán. Kết hôn được khoảng ba năm thì Tchô Chay trở về Định Quán nuôi người em mù lòa còn Lý Văn Sâm thì tham gia cách mạng và viết văn rày đây mai đó nên hai người bật tin nhau. Những năm sau đó, khi hoạt động cách mạng và làm công tác tuyên truyền ở chiến khu Đ Lý Văn Sâm đã nhiều lần đi tìm Bà Tchô Chay nhưng cũng không có tin tức gì. Ông và Bà Tchô Chay không có con chung nhưng Bà chính là mối tình đầu và cũng là người vợ đầu tiên của Lý Văn Sâm. Mối tình này có ảnh hưởng rất lớn đến sáng tác của nhà văn nhất qua những trang viết về người dân

[4] Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện Nghị quyết số 91/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại thành phố Biên Hòa

tộc thiểu số trong đó có truyện ngắn " Vợ tôi, người dân tộc thiểu số" do nhà văn Lý Văn Sâm viết vào năm 1954.

Người vợ thứ hai tên là Lương Thị Há - người Việt gốc Hoa,là người làm nhiệm vụ liên lạc chuyển thư qua lại giữa Lý Văn Sâm và người bạn gái học chung trường của ông tên là Nguyễn Thị Sỹ. Tuy nhiên thư của ông và cô Sỹ đều được cô đọc kỹ và "mê" nên cô Há giấu thư cả hai bên. Do đó giữa ông và cô Sỹ không có tin tức gì với nhau. Một buổi tối, ông hẹn cô Há ra bờ sông để hỏi cho ra lẽ, thì bất ngờ bị cả nhà của cô theo dõi và rượt chạy. Ông quýnh quáng dẫn cô Há chạy về quê nội ở Bình Long. Thế là sau đó phải làm lễ thú phạt. Cô Há nghiễm nhiên trở thành vợ thứ hai của ông. Ông và vợ ông sống với nhau không nhiều vì ông bận tham gia kháng chiến, sống ở Sài Gòn và trong chiến khu Đ. Cuối năm 1947, ông mới đưa vợ và con gái về Sài Gòn sống. Đến năm 1950, Ông đành bỏ lại vợ con và cô em gái út ở lại Xóm Lá, ngã tư Bình Hòa để vào chiến khu Đ vì không còn hoạt động ở đô thành nữa. Ông và bà Há có với nhau bốn người con. Người con gái đầu lòng tên là Lý Thị Như Anh (còn gọi là Nga). Ba người con còn lại là Lý Lương Hiệp, Lý Lương Bình (con gái) và Lý Lương Hùng (con trai) đều mất lúc năm, mười tuổi do bị bệnh. Thời gian ông hoạt động ở Chiến khu Đ, bà Há tái giá. Mặc dù đã tái giá nhưng bà Há vẫn còn rất thương ông, bà vô tận Củ Chi để thăm chồng cũ. Nhưng trên đường trở về, bà Há bị giặc Pháp bắn chết.

Lý Văn Sâm chụp cùng Bà Lương Thị Há và con trai

Người vợ thứ 3 và cũng là người vợ cuối cùng của nhà văn là Bà Võ Kim Trinh. Mặc dù kém ông gần 20 tuổi nhưng do hai người yêu thương nhau thực sự nên năm 1965 nhà văn Lý Văn Sâm đã kết hôn với Bà Võ Kim Trinh và có với nhau hai người con trai tên là Lý Trường Xuân và Lý Anh Kiệt. Sau khi cưới, Bà Võ Kim Trinh làm y sĩ Ban tuyên huấn Trung ương cục. Cùng chồng trãi qua bao khó khăn, nguy hiểm của cuộc sống chiến tranh và nuôi dạy hai con khôn lớn, trưởng thành.

Đã gần 20 năm kể từ ngày ông ra đi, ngoài gia tài văn chương to lớn và đồ sộ, ông còn để lại cho hậu thế một tấm gương sáng về lòng yêu nước, yêu quê hương, gắn bó với mảnh đất và con người Nam Bộ, một nhân cách lớn suốt đời sống và làm việc cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

II. Tấm gương của vị đại biểu Quốc hội khóa VI - nhà văn Lý Văn Sâm

1.Tấm gương sáng về lòng yêu nước, yêu quê hương của Nhà văn Lý Văn Sâm

Không chỉ thành công trong sự nghiệp văn chương, Lý Văn Sâm còn là nhà hoạt động cách mạng kiên cường. Là một chiến sĩ được cách mạng giác ngộ, ông đã tham gia treo cờ, rải truyền đơn trong nhà lồng chợ Biên Hòa. Bên cạnh đó, ông đã trọn cho mình một cách thức thể hiện lòng yêu nước, yêu quê hương rất riêng, thông qua ngòi bút của mình khơi dậy tình yêu quê hương đất nước, tinh thần quật khởi, đả phá chế độ tàn ác của thực dân Pháp và bè lũ tay sai.

Nhà văn Lý Văn Sâm và các nhà văn nổi tiếng tại Căn cứ (R) Hội Văn nghệ giải phóng thời chống Mỹ

Nếu như Huỳnh Văn Nghệ chọn con đường binh nghiệp để thể hiện lòng yêu nước, yêu quê hương của mình thì Lý Văn Sâm lại chọn con đường viết văn như một cách tham gia tích cực vào công cuộc cách mạng của dân tộc. Ngay từ những tác phẩm đầu tiên, Lý Văn Sâm đã thể hiện được nét riêng trong cách cảm và cách nghĩ về mảnh đất và con người Đông Nam bộ. Đó cũng chính là nguồn cảm hứng dồi dào và mãnh liệt trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của ông. Với phương thức sáng tạo riêng, Lý Văn Sâm đã dựng lại những trang sử bằng nghệ thuật ngôn từ về quê hương và con người Đồng Nai từ thuở hoang sơ, vắng vẻ của bước đầu tiên mới hình thành đến những ngày anh dũng, hào hùng trong khói lửa chiến tranh. Truyện ngắn của ông giai đoạn 1945 cho đến khoảng 1955 đã truyền lại cho bạn đọc đương thời và thế hệ đi sau tấm lòng yêu thương và gắn bó máu thịt với mảnh đất quê hương. Qua những trang viết của Lý Văn Sâm, ta có thể nhận ra một con người, một tấm lòng gắn bó tha thiết với quê hương "nhau rún". Đặc biệt trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếng nói, tấm lòng của ông vô cùng ý nghĩa. Nó tác động đến tầng lớp thanh niên trí thức, và nhiều tầng lớp khác trong xã hội.

Nhà văn Lý Văn Sâm về thăm lại thác Trị An

Đối với Lý Văn Sâm, có lẽ tình yêu quê hương đất nước là một giá trị trong quan niệm văn chương của ông, thôi thúc ông trong suốt cuộc đời cầm bút của mình. Như vậy văn chương trong quan niệm của Lý Văn Sâm trở thành một con

thuyền chuyển tải tâm tư, tình cảm của ông với quê hương, đất nước và con người mà ông đã gắn bó.

2.Tấm gương sáng về nhân cách sống cao đẹp

Là nhà văn tài hoa, lừng lẫy một thời, từng giữ các chức vụ như Tổng thư ký Hội Văn nghệ Giải phóng, Tổng Biên tập Tạp chí Văn Nghệ Giải Phóng, Phó Tổng Thư ký Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam…nhưng ông lại sống một cuộc sống rất bình dị, xa lánh với bao cám dỗ của danh vọng, tiền tài. Mười ba năm làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Đồng Nai (1979 - 1993) mỗi tuần lên Hội vài ba ngày để giải quyết công việc, nhà văn Lý Văn Sâm ở lại trong căn phòng đơn sơ của Hội. Một cái bàn, một cái giường, vài ba bộ quần áo, dây mai-xo để đun nước là tài sản của chú Hai những ngày ở Hội. Ông ngại ngùng trước những buổi tiệc tùng sang trọng, xa lánh đám đông ồn ào, không thích đao to búa lớn, sống ẩn nhẫn chìm khuất giữa mọi người. Trong trí tưởng tượng và nhận xét của những người bạn cùng thời với ông: Lý Văn Sâm có gương mặt của một người trí thức ưu thời. Vẻ nhã nhặn trong cách đi, dáng đứng, trong hành xử giao tiếp phần nào thể hiện được tính cách của ông. Trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà văn Lý Văn Sâm cũng có nhiều đặc biệt, hầu như ông không ăn thịt, cá, rau đậu…chỉ thích ăn một loại bột ăn liền dành cho trẻ em đặc biệt thích uống cà phê và hút thuốc lá. Cả cuộc đời làm chính trị và làm văn, nhà văn cứ mãi miết đi, mãi miết viết và mãi miết cống hiến cho cuộc đời. Cho đến cuối đời ước mơ nhỏ nhoi là xây một căn nhà nhỏ sống gần gũi với bà con làng xóm nhưng ước mơ ấy chưa kịp thực hiện thì ông đã mãi mãi ra đi vao cõi vĩnh hằng.

Nhà văn Lý Văn Sâm và Nhà văn Nguyên Khải

Chính nhân cách sống bình dị và cao đẹp ấy, Lý Văn Sâm đã tạo được hình ảnh khó quên trong lòng những người hoạt động văn học nghệ thuật ở Đồng Nai nói riêng, ở miền Đông Nam Bộ và Việt Nam nói chung.

3. Tấm gương sáng về lao động nghệ thuật không mệt mỏi

Cả cuộc đời sáng tác của mình, Lý Văn Sâm đã để lại cho kho tàng văn học Việt Nam một di sản tinh thần gồm:

- 59 truyện ngắn và truyện vừa: Cây nhị phố; Chuông rung trên tháp đổ; Tiếng đàn sông Phố; Lạc loài; Mưa Sài Gòn; Rửa hờn; Ngoài mưa lạnh; Thèm một ngọn đèn; Ngàn sau sông Dịch; Nắng bên kia làng; Tràn một mùa thơ; Vực thẳm; Một cốt truyện mới; Đờn chìn-Kha-La; Ngày ra đi; Oan gia ;Tàn một mùa ve; Nửa mảnh ngân tiền; Một con chó sủa hóng chiều ba mươi tết; Trời như muốn sáng; Kiếp này thôi đã lỡ; Sóng vỗ bờ xa; Ma ní bửu châu; Nợ nước thù nhà; Hồn Do Thái; Một chuyện oan cừu; Người ra đi; Qua bến lạnh; Đìu hiu lau lách; Khi rừng thay lá; Mười năm thương nhớ; Thù nhà nợ nước; Mười lăm năm hận sử; Chiếc vòng ngọc thạch; Ngoài mưa lạnh; Sau dãy Trường Sơn; Nắng bên kia làng; Cỏ mọn hoa hèn; Sống vỗ bờ xa.

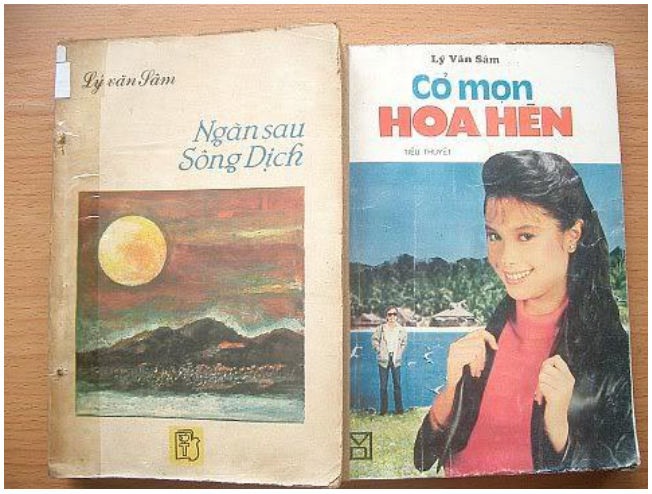

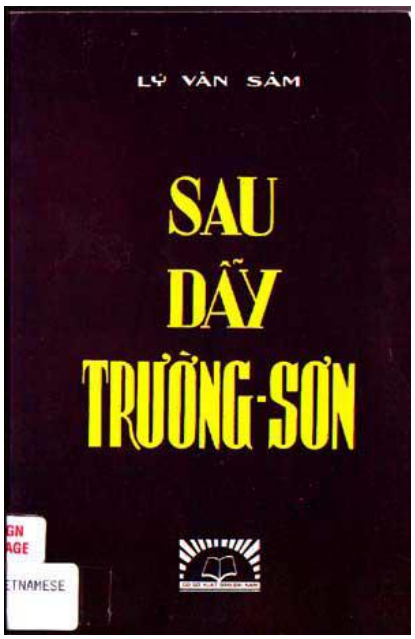

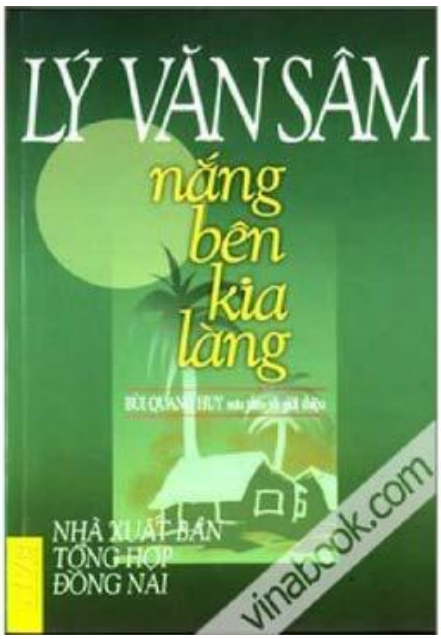

- 05 truyện hồi ức: Cà Ngá; Chuyện người thổi sáo ở Bến Xuân; Chuyện ấy đã qua rồi; Bến xuân; Thâm u và cao cả.

- 11 tác phẩm kịch: Đi chơi tết; Người đi không về; Trùng dương; Trong một ngày vui; Nham hiểm; Một bi kịch đã hạ màn; Nửa mảnh trăng thề; Sâu bệnh; Sa Mạc; Đường vào sứ Phật; Vàng.

- 06 truyện đường rừng: Kòn Trô; Rồng Bay trên núi Gia Nhang; Mũi tổ; Xác Mu mi trên núi đá; Răng Sa Mát; Thần ngư động.

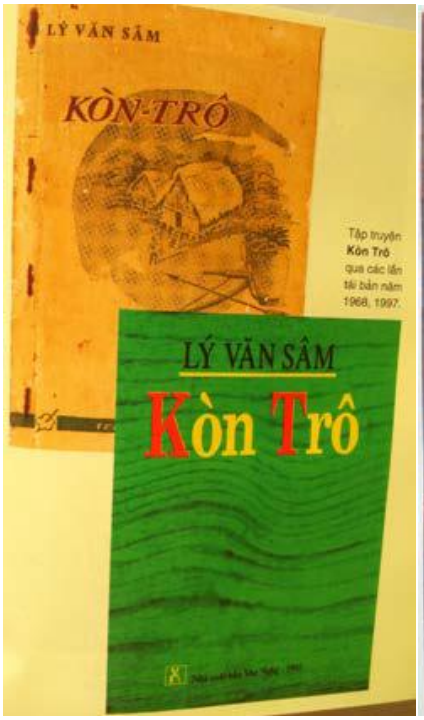

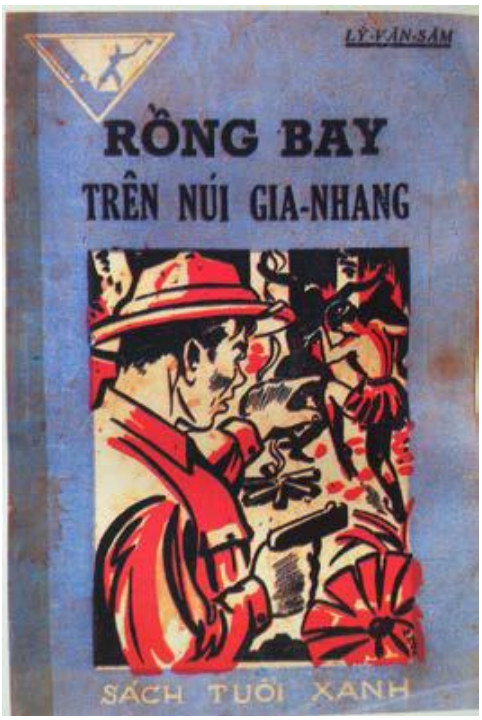

- 14 bài ký: Chiếc "mùng lé" của con trai tôi Nguyễn Phương Danh - một người nghệ sĩ đặc biệt; Huỳnh Văn Nghệ, chiến sĩ - thi sĩ; Một nhà thơ đã khuất; Mồ anh hoa nở; Sự tích "đội văn công bỏ túi"; Người chết còn trẻ mãi; Chuyện kể từ một bài thơ; Ở Trị An những năm tháng ấy; Địa Ngục và ánh sáng; Con tằm dẫu thác vẫn còn vương tơ; Ngày hội lớn của những bông hồng Việt Nam; Lá thư năm mới; Gửi anh bạn nhà văn cùng quê; Một bài thơ một cuộc đời.

- 19 tạp văn: Tôi viết văn;Truyện ngắn đầu tay của tôi; Về một truyện ngắn cách đây bam ba mươi sáu năm; Một truyện ngắn "nguy hiểm"; Tầm vóc hôm

nay trong con người và thơ Nguyễn Đình Chiểu; Một địa chỉ than yêu; Văn nghệ giải phóng số đầu tiên; Nguyễn Đình Chiểu với Đồng Nai; Vĩnh biệt anh Nguyễn; Thành phồ Biên Hòa bảy mươi năm về trước; Mã đà sơn cước; Tết Biên Hòa năm kỷ tỵ (1929-1930); Người Biên Hòa với ngày Nam bộ kháng chiến; Sự tích chùa Thủ Huồng; Câu chuyện đằng sau đình Tân Lân; Một buổi biểu diễn văn công không có tác giả; Thủ môn bất đắc dĩ; Bây giờ thì …ngon rồi; Bao cấp xe hơi; Trao đổi với nhà văn Lý Văn Sâm.

- 03 bài thơ: Một mình bên thác nước; Chuyên riêng; Nhân sinh thất thập

Nhìn vào gia tài văn chương đồ sộ này bất cứ ai cũng phải khâm phục hoạt động lao động nghệ thuật nghiêm túc, say mê không biết mệt mỏi ấy của Lý Văn Sâm. Ông sáng tác nhiều nhưng lại không theo lối mòn một thể loại mà sử dụng rất nhiều thể loại: từ tuyện ngắn, truyện vừa, truyện đường rừng, ký, kịch, tạp văn và cả thơ. Ở thể loại nào ông cũng thành công và có những tác phẩm sống mãi với không gian và thời gian. Nhưng thành công nhất phải kể đến truyện ngắn ở thể loại văn xuôi với các tác phẩm gây tiếng vang lớn một thời như: Chuông rung trên tháp đổ, Cỏ mọn hoa hèn, Cây nhị phố…

Thời kỳ từ 1941 đến 1954 là thời kỳ sáng tác sung sức và đạt được nhiều thành công nhất của Lý Văn Sâm. Các sáng tác của Lý Văn Sâm trong giai đoạn này đã làm hiện lên hình sông, dáng núi, cảnh rừng và đặc biệt là con người miền Đông Nam bộ.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và sau khi đất nước thống nhất do phải đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau nên Lý Văn Sâm ít viết hơn nhưng thông qua các tác phẩm mang tính hồi ức như: Cà Ngá, Chuyện người thổi sáo ở Bến Xuân, Chuyện ấy đã qua rồi …nhà văn Lý Văn Sâm cũng đã khắc họa rõ nét những con người miền Nam đầy khí tiết.

Nếu như trước cách mạng tháng tám, viết đối với nhà văn là một sự giải tỏa tâm hồn thì trong thời gian hoạt động hợp pháp ở Sài Gòn ông đã ý thức dùng ngòi bút để phục vụ dân sinh, phục vụ xã hội nên việc cầm bút đối với ông là một sự thôi thúc mãnh liệt chứ không phải để giải tỏa nỗi buồn. Lý Văn Sâm đã từng viết " Không làm được một chiến sĩ thì làm văn sĩ. Đằng nào cũng là con đường dẫn đến mục đích cao quý". Lý Văn Sâm luôn quan niệm nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vị nhân sinh tức là nghệ thuật phải phục vụ nhân dân và người nghệ sĩ phải gắn bó với vận mệnh dân tộc và đất nước thì mới có những tác phẩm để đời. Chính vì thế mà Lý Văn Sâm đã chọn thứ văn chương khá độc đáo. Nó có thể không có được sắc diện long lanh, dễ làm say đắm lòng người…nhưng điểm đến của nó thì chỉ có một: đó là giá trị nhân văn chân – thiện- mỹ mà tác giả hướng đến.

Vừa tham gia cách mạng vừa sáng tác lại vừa phải chạy giặc, rồi bị giam cầm nhiều lần nhưng ngọn lửa đam mê viết văn chưa bao giờ ngừng cháy trong con người ông. Ông vẫn đều đặn cho ra đời những tác phẩm sâu sắc về nội dung, già dặn về nghệ thuật. Nhận định về những đóng góp của nhà văn Lý Văn Sâm, nhà văn Sơn Nam đã khẳng định: " Nếu không có Lý Văn Sâm, văn học ta chịu

thiệt thòi lớn, không gì bù đắp nổi". Ở bình diện nội dung, Phạm Hổ trong Đôi lời sau khi đọc tuyển tập Lý Văn Sâm đã bộc bạch " Ngay đến giờ phút này, tuy đã nhiều tuổi, đọc anh tôi vẫn thấy toát ra từ những dòng văn anh viết một hơi thở, một chất men say của lý tưởng sống và hành động cho Tổ quốc, cho cách mạng…". Ở bình diện nghệ thuật Nguyễn Văn Y trong bài viết Nhà văn từng một thời được tuổi trẻ hết sức ngưỡng mộ cho rằng: " Ngòi bút điêu luyện của ông đã ít nhiều khơi dậy trong lòng người tình yêu quê hương, đất nước". Còn nhà văn Bùi Quang Huy thì nhận xét: " Những trang văn hay và đẹp có sức lay động những gì sâu xa nhất trong lòng người".

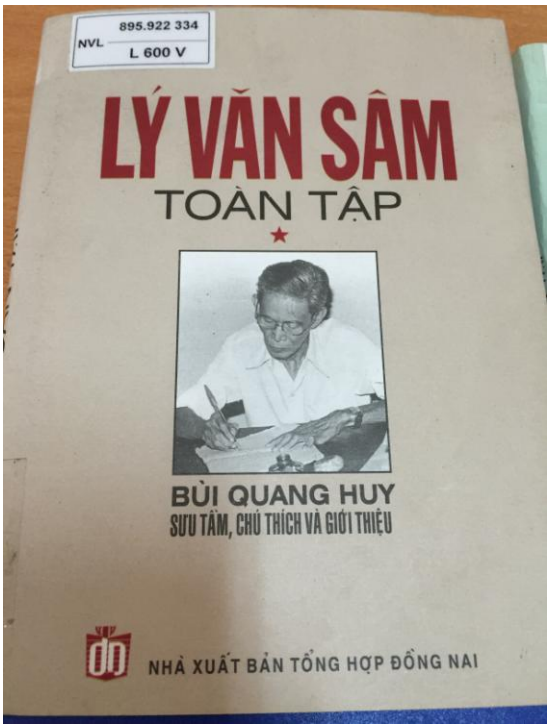

Quá trình lao động nghệ thuật không biết mệt mỏi ấy đã giúp nhà văn Lý Văn Sâm đạt được những thành tựu về văn chương đáng ngưỡng mộ. Ông là một trong ba nhà văn của Đồng Nai nhận giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật và được được đánh giá là một trong hai cây bút xuất sắc nhất ở miền Nam. Nhờ có ông và nhà văn Hoàng Văn Bổn mà so với các tỉnh miền Đông Nam bộ, Đồng Nai đã trở thành một vườn ươm văn học màu mỡ. Sau năm 1975, Đồng Nai xuất hiện một lớp nhà văn trẻ đầy nhiệt huyết như Nguyễn Đức Thọ, Bùi Quang Huy, Khôi Vũ, Phạm Thanh Quang…

Nhà văn Lý Văn Sâm và Hoàng Văn Bổn bên các nhà văn trẻ Phạm Thanh Quang, Bùi Đức Thọ, Bùi Quang Huy

Những năm cuối đời, nhà văn Lý Văn Sâm có dịp về thăm lại quê hương "nhau rún". Sau cơn tai biến, dù phải đi lại trên chiếc xe lăn nhưng ông vẫn cố đi qua những con đường, những ngôi trường, những con phố gắn liền với tuổi thơ ông. Tất cả đều gợi lại trong ông những kỷ niệm khó quên: Đây là trường tiểu học Nguyễn Du nơi cậu bé Sâm ngày nào đã được học những vần thơ đầu tiên; Đây là phố chợ nơi ông đã rãi truyền đơn và đây là con sông quê hương nơi đã tắm mát tuổi thơ ông và là mạch nguồn để ông sáng tác…Xe lăn được đẩy xuống sát mép nước, như nhận ra người con yêu của quê hương lâu ngày mới gặp sóng sông vỗ vập vỗ vào bánh xe lăn. Bất giác ông chụm đôi bàn tay nhăn nheo, run run vốc nước lên rửa mặt. Nhìn xa xăm về phía xa kia ông đã nhận ra làng của mình với vạt mía xanh rì, bắp trổ cờ phất phơ. Ông chợt thấy lạ lùng vì chỉ một khúc sông thôi mà có bốn nhà văn nhà thơ: Huỳnh Văn Nghệ, Bình Nguyên Lộc, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bổn. Bộ tứ văn chương Đồng Nai, mỗi người một hoàn cảnh, mỗi người một vẻ. Nhìn xéo lên trên cái làng của mình là cánh rừng bạt ngàn, nơi ngày xưa anh Hai Sâm thường cưỡi ngựa đi thăm các hầm than. Sống giữa núi rừng thâm u, hoang vắng anh chỉ biết trút nỗi niềm vào cây viết và trang giấy. Lặng lẽ nhìn cảnh vật từ đôi mắt nhà văn ứa ra hai giọt nước mắt. Có phải ông đang xúc động hay đang thầm cảm ơn quê hương đã sinh ra và nuôi dưỡng mình, một chiến sĩ gan góc, trung kiên, một nhà văn tài hoa?

Lần về thăm quê hương ấy cũng là lần thăm cuối cùng của nhà văn Lý Văn Sâm. Ông ra đi, nhưng những tác phẩm vừa trữ tình lãng mạn vừa âm vang hào khí miền Đông anh hùng đã trở thành niềm ngưỡng mộ của độc giả nhiều thế hệ vẫn còn sống mãi.

Tôi thực sự may mắn và tự hào vì được sống trên một quê hương giàu truyền thống cách mạng, là nơi sinh ra nhiều bậc hiền tài, nhà cách mạng, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng được lưu danh trong sử sách. Qua nghiên cứu về cuộc đời

và sự nghiệp của nhà văn Lý Văn Sâm - Tổng thư ký Hội văn nghệ giải phóng miền Nam Việt Nam, Đại biểu Quốc hội khóa VI tôi học tập được ở con người ấy rất nhiều để từ đó soi rọi lại bản thân mình. Thế hệ trẻ chúng tôi hôm nay được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh đất nước hòa bình, phát triển. Chúng tôi được sống, học tập và hưởng thụ những thành quả mà cha ông và biết bao thế hệ người Việt đã đổi lấy bằng xương bằng máu và trí tuệ. Vì thế, bản thân tôi sẽ sống và cống hiến hết mình cho quê hương và tổ quốc Việt Nam thân yêu. Đất nước đã hòa bình nhưng hàng ngày, hàng giờ Đảng, Chính phủ và toàn dân đang ra sức gìn giữ sự bình yên ấy trước những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch và tình hình Biển Đông đang hết sức căng thẳng. Hơn lúc nào hết, tuổi trẻ cần phát huy trí tuệ và sức lực cho quê hương, tổ quốc. Trách nhiệm hết sức nặng nề nhưng cũng thật vinh quang, cao cả. Muốn vậy, bản thân tôi cũng như thế hệ trẻ phải không ngừng tu dưỡng về năng lực và đạo đức, cố gắng học tập nâng cao kiến thức để trở thành những người đủ sức, đủ tài và có nhân cách tốt. Chỉ khi chúng ta có kiến thức, có nhân cách tốt thì chúng ta mới trở thành những công dân có ích trong công cuộc bảo vệ đất nước, phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp hơn./.

MỤC LỤC

Câu 1

Lời nói đầu ..... trang 1

I.Cuộc đời và sự nghiệp của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy

1. Vài nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy ..... trang 4

2. Về gia đình Liệt sĩ Huỳnh Văn Lũy ..... trang 12

II. Con đường mang tên Huỳnh Văn Lũy ..... trang 13

III. Tìm về nguồn cội ..... trang 15

Câu 2

Lời nói đầu ..... trang 34

I. Cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Lý Văn Sâm

1. Vài nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Nhà văn Lý Văn Sâm ..... trang 36

2. Vài nét về gia đình Nhà văn Lý Văn Sâm ..... trang 43

II. Tấm gương của vị đại biểu Quốc hội khóa VI - nhà văn Lý Văn Sâm

1.Tấm gương sáng về lòng yêu nước, yêu quê hương của Nhà văn Lý Văn Sâm

..... trang 45

2. Tấm gương sáng về nhân cách sống cao đẹp ..... trang 47

3. Tấm gương sáng về lao động nghệ thuật không mệt mỏi ..... trang 48

Danh mục tài liệu tham khảo

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nhiều tác giả), Địa chí Đồng Nai (5 tập: Tổng quan, Địa lý, Kinh tế, Lịch sử, Văn hóa – Xã hội), Nhà xuất bản Đồng Nai, 2001.

2. Phan Đình Dũng - Nguyễn Thanh Lợi, Hỏi đáp về Biên Hòa - Đồng Nai, Nhà xuất bản Đồng Nai, 2010.

3. Huỳnh Văn Tới, Nhớ người Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh.

4. Bùi Quang Huy (2002), *Lý Văn Sâm toàn tập (tập 1)*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

5. Bùi Quang Huy (2002), *Lý Văn Sâm toàn tập (tập 2)*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

6. Bùi Quang Huy (2002), *Lý Văn Sâm toàn tập (tập 3)*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

7. Nhà xuất bản Hội nhà văn (2015), Lý Văn Sâm toàn tập.

8. Bùi Quang Huy (2002), *Trang sách hồng nở giữa đời hoa*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

9. Bùi Quang Huy (2005), *Lý Văn Sâm nhà văn đường rừng*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

10. Bùi Quang Tú (2003), "Có ba con người trong Lý Văn Sâm", *Văn nghệ* số 4126, 01/2013.

11.Bùi Quang Huy (1991), "Lý Văn Sâm và những đóng góp xuất sắc về văn học", Báo *Văn nghệ Đồng Nai*, số 16/4/1991.

12. Bảo tàng Đồng Nai, Người Đồng Nai, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1995.

13. http://baobinhduong.vn/mot-gia-dinh-co-ba-ba-me-viet-nam-anh-hung-a111090.html